



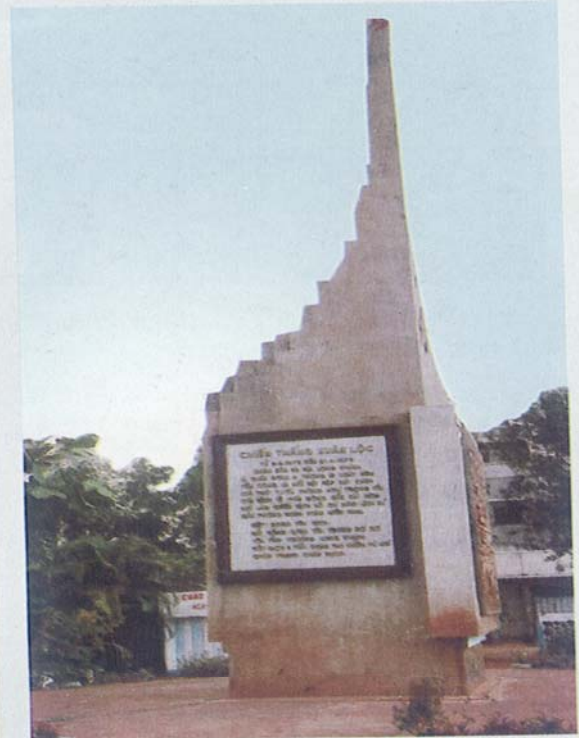
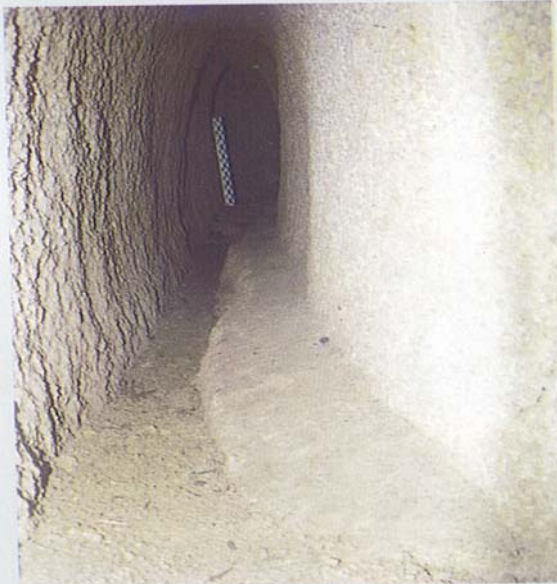
Nhà Xanh.



Hội trường và nhà làm việc tại căn cứ Khu ủy miền Đông (1962 - 1967).

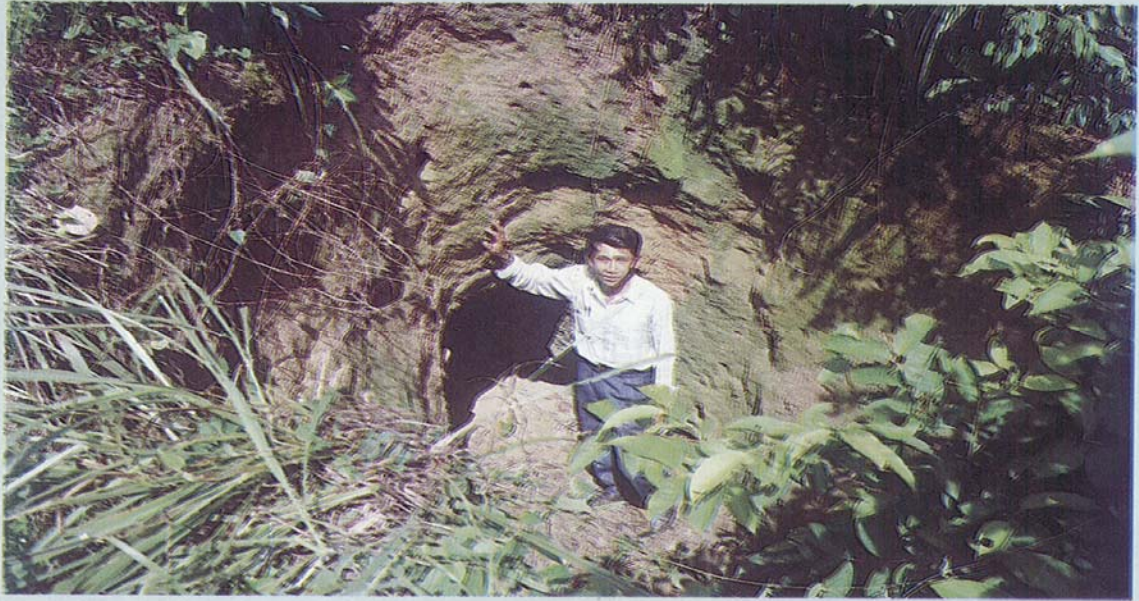


Tượng đài Chiến thắng Xuân Lộc.



Bia Chiến thắng Xuân Lộc.

Một đoạn địa đạo Suối Linh.



Địa đạo Nhơn Trạch.



Mộ cổ Hàng Gòn (Mộ Cự thạch Hàng Gòn).



Chùa Bửu Sơn.



Chùa Thanh Lương.



Chùa Hóc Ông Che (Hiển Lâm Sơn tự) nhìn từ trên xuống.



Chùa Bà Thiên Hậu (Miếu Tổ sư nghề đá).



Chùa Thủ Hưởng (Chùa Chúc Đảo).



Núi Chứa Chan.



Dinh Phú Mỹ.



Thần điện đền Hùng Vương - Thành phố Biên Hòa.



Hàng hiên nhà cổ-
từ đường họ Đào.

Nhà cổ ông Trần Ngọc Du.





Đầu vì kèo được chạm khắc ở nhà cổ ông Nguyễn Văn Hảo.



Địa đạo Tam Phước.



Đường vào khu di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961 - 1962).



Các đồng chí lãnh đạo thăm khu di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961 - 1962) ở Mã Đà.



Một góc cảnh quan Vườn quốc gia Cát Tiên.



Thác Gia Điền.



Rừng ngập mặn Đồng Nai.



Chùa Bửu Phong.

DANH THẮNG ĐÁ CHỒNG ĐỊNH QUÁN⁷

Từ ngã ba Dầu Giây (Đồng Nai) rẽ phải theo Quốc lộ 20 hướng về thành phố Đà Lạt thơ mộng, con đường trải nhựa thênh thang uốn lượn nhẹ nhàng giữa các rừng cao su, các vườn cây ăn trái xanh tươi, các phố xá đông vui tấp nập, khoảng 50 km ta sẽ gặp ngay một quần thể đá tạo dáng đẹp đẽ, kỳ lạ ven đường. Đó là khu danh thắng Đá Chồng.

Quần thể Đá Chồng Định Quán nằm giữa khu dân cư sầm uất thuộc huyện Định Quán, ngay bên Quốc lộ 20 - huyết mạch nối liền cao nguyên Bảo Lộc, Lâm Đồng với đồng bằng Nam bộ.

Trèo qua đỉnh Đá Chồng, qua cheo leo hiểm trở bạn sẽ có dịp mở rộng tầm nhìn bao quát toàn cảnh. Một cảnh quan thiên nhiên diễm lệ đa dạng đến tuyệt vời. Giữa chập chùng những núi lửa miệng phễu hình êlip nghiêng nghiêng in dấu dòng dung nham nay đã trở thành những ốc đảo xanh tươi với các loại cây nhiệt đới. Xa xa, những thung lũng mênh mông thăm thẳm xanh mượt. Lấp lánh những hồ nước và cả những dòng suối uốn lượn uyển chuyển dưới chân đồi.

Vẻ đẹp kỳ thú của hòn Ba Chồng, núi Đá Voi, hòn Dĩa, cùng với ngôi chùa Thiện Chân dưới chân núi đá là những cụm tiêu biểu tạo thành cảnh đẹp hài hoà cho khu thắng cảnh Đá Chồng.

Với ba hòn đá nằm chồng lên nhau khá chông chênh, độ cao hơn 36 mét so với mặt đường, hòn Ba Chồng nằm sát Quốc lộ 20 về phía đông bắc như một tượng đài kỳ vĩ với gió sương. Hòn đá dưới cùng lớn gấp hai hòn nằm trên, hòn trên cùng thì nằm chia ra phần nửa ngoài bên dưới chùng như muốn đổ xuống bất kỳ lúc nào. Hình thù kỳ lạ này đã làm ngạc nhiên biết bao khách tham quan dừng chân lại khu thắng cảnh.

Về phía tây bắc của quần thể Đá Chồng là cụm núi có hình dạng rất độc đáo. Hòn Dĩa thuộc cụm núi này với hình thù của hình chữ nhật không đều, một đầu to, một đầu nhỏ nhưng nằm trên một tảng đá nhỏ hơn rất nhiều, với độ cao hơn 43 mét so với mặt đất. Cụm núi có nhiều đá tảng công kênh vào nhau, lại thêm cây cối mọc um tùm tạo nên những hang động đầy vẻ huyền bí, tựa như cây và đá tìm mọi cách để vươn lên tìm hơi thở sinh tồn. Cây to như bị đá chèn ép phải nghiêng mình tránh sức nặng vốn có của đá tảng với dáng vẻ như nhỏ, yếu hơn nhiều song cây vẫn gồng mình nâng đá lên mặc cho gió, mưa nắng của thời gian.

Núi Đá Voi, nhân dân còn gọi là núi Bạch Tượng, nằm về phía tây nam của khu thắng cảnh, sau chùa Thiện Chân 10 mét. Nó có hình như 2 con voi lớn nằm cạnh nhau. Trên đỉnh của hòn đá gọi là Voi Đực có tượng Phật Thích Ca khổng lồ nhìn về hướng đông được xây và đặt vào những năm đầu của thập niên 70. Hòn đá kế bên gọi là Voi Cái. Dưới chân của Voi Đực có hang Bạch Hồ với tích tương truyền trong nhân dân địa phương rằng: Xưa kia, khi rừng rậm còn nhiều, có một cặp hổ trắng về ẩn tại núi Đá Voi. Điều kỳ lạ là cặp chúa sơn lâm này không bắt người ăn thịt mà thường xuống nghe tụng kinh ở chùa Thiện Chân. Sau này rừng bị phá dần, cặp hổ bỏ đi, nhân dân cho là hổ thần nên đặt là

⁷ Danh thắng: Danh lam thắng cảnh nói tắt (BT)

hang Bạch Hồ. Từ hang Bạch Hồ, bàn tay con người tạo nên một hành lang tam cấp uốn theo núi Đá Voi để khách đến tham quan dễ dàng đi lên đỉnh của đá Voi Đục đến với tượng Phật, phóng tầm nhìn toàn cảnh của khu danh thắng.

Được bàn tay của thiên nhiên tạo dáng, quần thể Đá Chồng Định Quán đã làm say mê không biết bao nhiêu du khách đến đây. Mặc cho sự tàn phá khắc nghiệt của thời gian, những tượng đá hoa cương vẫn sừng sững như thi gan, vươn mình kiêu hãnh dưới mưa nắng. Hằn lên trên đá, những dây leo, cây cối, những vệt dài in dấu của dòng nước chảy từ đỉnh xuống chân mỗi khi trời đổ mưa như tô điểm thêm sức sống mãnh liệt, cái chất phong trần của đá.

Hàng triệu năm qua, đá vẫn lặng im không nói, như chính nó đã chờ che cho con người cỏ dã một thời sống trong hang động, rừng rậm. Ngày nay, với dáng vẻ đẹp đẽ, quần thể Đá Chồng là một cảnh quan tuyệt diệu được thiên nhiên ưu đãi cho con người.

Độc đáo, hùng vĩ, thắng cảnh Đá Chồng Định Quán là một điểm tham quan kỳ thú cho khách du lịch. Không những thế, theo thông báo của các nhà khảo cổ học, bảo tàng học..., quần thể Đá Chồng Định Quán còn là nơi lưu lại các dấu tích của cuộc sống người tiền sử. Tại đây, dưới các mái đá, ven các khe suối và cả các sườn dốc ven thung lũng đã phát hiện nhiều công cụ sản xuất, sinh hoạt của người xưa bằng đá, đồng, đất nung. Con người xưa đã sống tại đây và để lại những kiến trúc gạch nung, những viên gạch cổ (phát hiện khảo cổ năm 1986) bổ sung cho danh mục các kiến trúc Óc Eo – Phù Nam ở thềm cao nguyên Đông Nam bộ dài ra, khẳng định sự hiện diện một vương quốc cổ với giả thiết sự lan toả của nền văn hoá Óc Eo.

Trong suốt cuộc kháng chiến dài 30 năm, Định Quán là một phần quan trọng của Chiến khu Đ. Đá Chồng đã chứng kiến sự hình thành, phát triển, trú quân, triển khai chiến đấu và chiến thắng của lực lượng cách mạng.

Khu danh thắng Đá Chồng Định Quán đã được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích thắng cảnh cấp quốc gia theo Quyết định số 1288/VH-QĐ, ngày 16 – 11 – 1988.

Rồi đây nhân dân xứ Đồng Nai sẽ không còn xa lạ với kỳ quan Đá Chồng Định Quán. Có truyền thuyết cho rằng địa danh Định Quán do đọc sai chữ “Đình Quân” nơi dừng chân của các đoàn quân chúa Nguyễn. Giả thuyết ấy có đúng không không rõ, dù sao trên chặng đường dài cheo leo hiểm trở, nơi đây cho đến nay vẫn là nơi dừng chân lý tưởng của mọi đối tượng du khách xa gần.

Đỗ Bá Nghiệp – Phan Đình Dũng

ĐÀI KỶ NIỆM

Ngày nay nhiều người biết đến Đài Kỷ niệm – còn gọi là Đài Chiến sĩ ở Biên Hoà, bởi nó nằm ở trung tâm thành phố, hàng ngày có hàng vạn người qua lại.

Công trình này được chính quyền thực dân Pháp xây dựng năm 1923 với tên gọi “Đài Kỷ niệm người Việt trận vong”. Trước đây, đài thuộc làng Bình Trước, tổng Phước Vinh Thượng, tỉnh Biên Hoà, nay thuộc phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Lối kiến trúc của đài mô phỏng theo kiểu Ngọ môn Huế thời nhà Nguyễn. Ông Robert Balick - giáo sư chuyên về đồ đồng, cùng bà Balick - giáo sư chuyên về đồ gốm, thiết kế và hướng dẫn học sinh Trường Bá nghệ Biên Hoà cùng một số thợ thi công. Dưới bàn tay khéo léo và khối óc thâm mĩ của những nghệ nhân, Đài Kỷ niệm là một công trình đặc sắc thời bấy giờ và hoàn toàn mang màu sắc dân tộc. Từ xa, ta có thể nhìn thấy hai trụ cao của Đài bằng men có hai câu đối chữ Hán màu xanh đen: *“Dũng sĩ trí thân phò tổ quốc danh bi biểu trụ vạn cổ chấn lưu phương. Chinh hồn toàn tiết phân hương quan thu cúc xuân hoa thiên niên truyền điện tử”*. Mỗi đỉnh trụ đều cẩn búp sen bằng sành mang ý nghĩa mong người đã khuất được siêu thăng cõi Phật. Giữa hai búp sen là hình mặt trời dưới có ba chữ Hán: “Chiến sĩ đài”. Tấm bia đặt trong Đài khắc bốn chữ Hán sắc sảo: *“Vị quốc vong khu”* để tưởng nhớ những người bản xứ bỏ mình vì “mẫu quốc đại Pháp”.

Năm 1923 - sau năm năm kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) khi những nắm mồ của nạn nhân chiến tranh phi nghĩa đã xanh cỏ, khi những giọt nước mắt khóc thương của người thân đã khô cạn, chính quyền thuộc địa Pháp đã xây dựng đài để làm gì? Những oan hồn mà tên họ được khắc trên bia đá kia là ai? Câu hỏi đó không khỏi làm băn khoăn lòng người khi dừng chân bên Đài Kỷ niệm.

Nguyễn Ái Quốc trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã vạch rõ sự mỉa dân một cách lộ bịch của chính quyền thuộc địa Pháp về sự kiện “Những ngày hội ở Biên Hoà” khi chúng tổ chức khánh thành “Đài Kỷ niệm người Việt trận vong” tại đây ngày 21 - 1 - 1923. Theo bài diễn văn thống thiết lâm ly của viên công sứ Pháp đọc tại buổi lễ khánh thành Đài Kỷ niệm, thì tên tuổi những người được tạc trên bia kia là: “Những thanh niên bản xứ tình nguyện rời bỏ quê hương lên đường sang Pháp để chiến đấu bảo vệ “mẫu quốc” và đã hiến thân cho sự nghiệp thiêng liêng cao cả ấy”. Con số thanh niên Việt Nam “tự nguyện hiến thân” ấy là bao nhiêu? Trong chương *Thuế máu* của tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã viết: *“Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa”*.

Vâng, tên tuổi những thanh niên được khắc trên bia đá kia là mộ phần của tám vạn sinh linh đã vĩnh viễn không trở về vì cái gì mà chắc chắn họ không bao giờ biết. Và, mỉa mai thay người ta bảo họ “tình nguyện”, họ “tình nguyện” trong cảnh bị vây ráp, dồn ép trước những lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn.

Với bút pháp giản dị nhưng hết sức hùng hồn và cả mỉa mai chua chát, Nguyễn Ái Quốc đã dành những lời tâm huyết đứng về phía những con người cùng khổ, bị áp bức, vạch trần thủ đoạn lừa mị của thực dân, đánh đi bức thông điệp, bản cáo trạng đến toàn nhân loại, cảnh tỉnh và hiệu triệu cho một cao trào chống áp bức và giành độc lập ở các nước thuộc địa.

Chúng ta đọc lại phần kết thúc chương *Thuế máu* của Nguyễn Ái Quốc để hiểu rõ cảnh mị dân lộ bịch và phong tục kỳ quái mà chính quyền thuộc địa Pháp tổ chức “Những ngày hội ở Biên Hoà”.

“... Để lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng Đài Kỷ niệm người Việt trận vong của tỉnh Biên Hoà, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu.

Người ta bàn tán sẽ có nào là yến tiệc giữa vườn theo kiểu Anh, nào là chợ phiên, nào là khiêu vũ ngoài trời v.v... Tóm lại, sẽ có nhiều và đủ thứ trò chơi để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa một cách thú vị nhất đời... Ngày 21 tháng 1 tới, chúng ta hãy đi Biên Hoà, chúng ta sẽ vừa được dự những hội hè linh đình vui tươi, vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ Việt Nam ở Biên Hoà thấy rằng chúng ta tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ.

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao!”

Người khẳng định: “*Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm hai tội ác đối với nhân dân*”.

Đài Kỷ niệm ở Biên Hoà vẫn còn đó, sừng sững giữa không gian và thời gian. Ba phần tư thế kỷ khói lửa ngập tràn, những kẻ thù xâm lăng Pháp, Nhật, Mỹ lần lượt ra đi sau thất bại nhục nhã ê chề. Con dân xứ Biên Hoà mấy thế hệ đã sống, chiến đấu và xây dựng trên mảnh đất thiêng này xin đừng quên rằng Đài Kỷ niệm ở Biên Hoà không chỉ là tấm bia căm lạng về những người đã chết. Qua *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã biến nó thành bản cáo trạng hùng hồn lên án chế độ thực dân tàn bạo chà đạp một dân tộc, nghiền nát từng con người của đất nước nô lệ. Những quốc gia, những dân tộc và cả những số phận bị áp bức ấy chỉ còn một con đường duy nhất là vùng lên tự giải phóng. Không phải ngẫu nhiên mà ngày 1 - 5 - 1930, bảy năm sau ngày khánh thành Đài Kỷ niệm, một lá cờ đỏ búa liềm bỗng xuất hiện và ngạo nghễ tung bay ngay tại đây. Rồi mười lăm năm sau, hàng vạn người dân Biên Hoà, đội ngũ chỉnh tề, tầm vông vạt nhọn, cờ đỏ sao vàng đã rầm rập đi ngang qua Đài Kỷ niệm để đón chào nền độc lập tự do vào mùa thu tháng Tám năm 1945 lịch sử. Mùa xuân năm 1975, Đài Kỷ niệm lại chứng kiến đoàn quân chiến thắng hùng hậu với xe tăng trọng pháo tiến vào Biên Hoà, hoàn thành Chiến dịch Hồ Chí Minh tại đất Đồng Nai.

Đến nay, Đài Kỷ niệm đã trải qua hơn ba phần tư thế kỷ. Mặc dầu thời gian bao lần làm phai nhạt hư hoại nhưng di tích Đài mãi mãi là một bằng chứng không thể chối cãi tố cáo tội ác của thực dân Pháp, nhắc nhở cho người dân xứ Biên Hoà một thời lịch sử đau thương dưới ách thống trị ngoại bang để biết vươn lên tự cường, xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Cuối năm 1992, di tích Đài Kỷ niệm được tu sửa, với một khuôn viên khang trang đẹp đẽ. Những thảm cỏ xanh, đài phun nước, vườn hoa nhiều màu

sắc hài hoà tôn tạo Đài trở thành một công viên văn hoá tô điểm làm đẹp thành phố, thu hút đông đảo quần chúng đến vui chơi, giải trí.

Di tích Đài Kỷ niệm đã được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 1288/VH - QĐ, ngày 16 - 11 - 1988.

Đỗ Bá Nghiệp - Phan Đình Dũng

NHÀ HỘI BÌNH TRƯỚC

Nhà hội Bình Trước thuộc xã Bình Trước, tổng Phước Vinh Thượng, quận Châu Thành (nay thuộc phường Thanh Bình, thành phố Biên Hoà) do viên tỉnh trưởng người Pháp là Bolen chủ trương xây dựng vào khoảng năm 1936 với sự đóng góp rất lớn về trí tuệ, công sức của những nghệ nhân tài hoa Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hoà. Đây là nơi hội họp và làm việc của hương chức hội tề địa phương.

Toạ lạc trên trục lộ giao thông chính của trung tâm thành phố Biên Hoà, xung quanh là những công trình xây cất hiện đại, Nhà hội Bình Trước thu hút sự chú ý của du khách bởi màu sắc, đường nét uyển chuyển của nghệ thuật kiến trúc dân gian.

Không là đình chùa, đền miếu nhưng Nhà hội đã chuyển tải được nét độc đáo, trang nghiêm của loại hình xây dựng đình làng, mang nhiều nét đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc thời Nguyễn. Nằm giữa những toà nhà hình học cao tầng, nét duyên dáng, thanh thoát của Nhà hội càng nổi bật do sự kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn của những yếu tố cấu thành di tích.

Mặt tiền Nhà hội nhìn ra hướng đông, đối diện với Bệnh viện Đồng Nai, cách giao lộ 30 tháng 4 – Cách mạng tháng Tám khoảng 100m. Dù đã trải qua nhiều lần trùng tu (1942, 1949, 1964, 2000) cùng những biến động của lịch sử, Nhà hội cơ bản vẫn giữ được hình dáng nguyên thủy.

Nhà hội có diện tích 187,50m², nền cao 60cm, lát gạch bông, gồm 10 mái (bốn mái chính, sáu mái phụ) lợp bằng ngói âm dương xen lẫn ngói men kiểu Trung Quốc. Hệ thống mái có gờ chỉ trang trí cặp rồng uốn khúc châu châu, tượng trưng cho an lạc, thái bình và các hoa văn cổ điển Việt Nam. Xung quanh mái được trang trí bằng gỗ với hình khuôn đúc tiền với nguyện ước có nhiều lợi lộc, tiền tài. Hai bên cửa là cặp lân đá phủ phục trong tư thế oai nghi được chạm khắc công phu.

Bước vào tiền sảnh, khách đến thăm sẽ bị cuốn hút bởi hai bức phù điêu sứ chạm nổi thể hiện các ngày hội truyền thống Việt Nam được bố cục chặt chẽ, tinh xảo. Phía trên tiền sảnh nổi lên dòng chữ Hán “Nhà hội Bình Trước” bằng gốm men xanh. Tiền sảnh có hai hành lang bên, có bốn cửa sổ lớn thường mở rộng nên bên trong luôn thoáng đãng.

Từ tiền sảnh có thể vào bên trong Nhà hội qua ba cửa gỗ gồm một cửa chính và hai cửa phụ. Mỗi cánh cửa trang trí hình hoa mai sáu cánh. Đây là tặng phẩm của Trường Mỹ nghệ Thủ Dầu Một. Cửa chính có hai câu đối bằng gốm, chữ đầu của mỗi câu ráp lại thành tên “Bình Trước”. Đối diện hai cửa phụ là hai bức tranh chạm gốm hình người cưỡi ngựa, dọc nguyệt lâu. Tả hữu Nhà hội đều

có cửa sổ, cánh cửa bằng gỗ làm theo kiểu lá sách. Hai bên cửa có hai bức tranh chạm gốm nổi.

Gian chánh Nhà hội bài trí bàn thờ gỗ thờ Tiên sư, quanh bàn thờ có long vị sơn son thếp vàng, phía đông chung bình đựng bông, phía tây để khay đựng hoa quả. Trên bàn thờ có bộ lư hương vuông bằng đồng dùng để xông trầm, tượng trưng cho vũ trụ, hai chân đèn thấp sáng tượng trưng cho nhật nguyệt, cặp hạc bằng cây đứng châu trên lưng quy thể hiện sự trong sáng, thanh bạch. Ngoài ra, còn một số đồ tự khí bày ra trong những dịp cúng tế. Hai gian hai bên bàn thờ đối diện hai cửa phụ là phòng làm việc của ủy viên tài chính và ủy viên hội tịch hội đó.

Giữa Nhà hội có kê chiếc bàn gỗ lớn, xung quanh trang trí hoa văn đơn giản. Hai bên bàn đặt 12 chiếc ghế tựa. Ngoài ra, còn một bàn gỗ nhỏ trang trí hoa văn cổ điển Việt Nam với ba vòng tròn lồng nhau. Đông và tây hiên có bộ bàn ghế dành để tiếp khách nam và khách nữ riêng biệt.

Năm 1954, hai dãy nhà trệt song song với Nhà hội được xây cất cho số nhân viên an ninh và lính làng ở.

Trước Cách mạng tháng Tám, cứ đến ngày 14 tháng 7 âm lịch, Nhà hội đều tổ chức cúng Tiên sư. Ngày ấy, tấp nập khách ra vào hành lễ.

Nhà hội Bình Trước còn là di tích cách mạng của tỉnh nhà. Nơi đây, vào ngày 23 - 9 - 1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng: Hội nghị đại biểu tỉnh Biên Hoà quyết định thành lập Tỉnh ủy đầu tiên sau khi giành được chính quyền trong toàn tỉnh.

Hội nghị có đồng chí Hà Huy Giáp, đại diện Xứ ủy Nam bộ đến dự. Số đại diện trên 40 người trong đó gồm một số ở nhà tù Côn Đảo về, số khác là những đồng chí hoạt động tại địa phương trong nhiều bộ phận khác nhau vào thời kỳ tổ chức Đảng trong tỉnh chưa có ban lãnh đạo thống nhất.

Hội nghị tiến hành khẩn trương sôi nổi đề ra những chủ trương lớn và biện pháp thiết thực, cụ thể để chính quyền thực hiện ngay nhằm ổn định tình hình mọi mặt trong tỉnh như:

- Gấp rút xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, ổn định đời sống nhân dân.

- Vận động các nhà tư sản, công chức cũ tham gia xây dựng cuộc sống mới.

- Trả tự do cho tù chính trị, phóng thích một số tù thường phạm

- Kiểm kê toàn bộ tài sản quốc gia

- Bãi bỏ những sắc thuế bất công

- Dự trữ lương thực để kháng chiến chống Pháp

- Xây dựng lực lượng vũ trang, du kích tự vệ

- Xây dựng chiến khu kháng chiến...

Hội nghị cũng đã bầu Ban chấp hành Tỉnh ủy lâm thời gồm 11 đồng chí (bằng phiếu kín).

Đây là một trong những sự kiện lịch sử trọng đại đánh dấu bước phát triển của Đảng bộ Biên Hoà trước khi bước vào thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhân dân khắp nơi trong tỉnh nhiệt liệt hưởng ứng các chủ trương của Đảng bộ đề ra, hết lòng ủng hộ chính quyền cách mạng còn non trẻ vượt gian khổ, chông gai bảo vệ những thành quả vừa giành được.

Nhà hội Bình Trước, trụ sở ban hội tế xã năm xưa, nay trở thành nhà truyền thống thành phố Biên Hoà.

Di tích Nhà hội Bình Trước đã được Bộ Văn hoá - Thông tin - Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 2307/QĐ, ngày 30 - 12 - 1991.

Nguyễn Tuyết Hồng

“TOÀ BỐ” BIÊN HOÀ

Cho đến nay, đã hơn 20 năm rồi mà nhiều người dân Biên Hoà vẫn còn thói quen gọi trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai là *Toà bố* Biên Hoà - Hiện tượng này có ý nghĩa gì không?

Ngày ngày lá cờ đỏ sao vàng vẫn vươn cao lộng gió Phước Long giang và tâm quốc huy chói ngời nắng phương Nam như khẳng định về sự trường tồn và bền vững của một nền độc lập tự chủ, một Biên Hoà - Đồng Nai lớn lên từng ngày trong lòng quốc gia dân tộc Việt Nam.

Đã bao lâu rồi toà công thụ đồ sộ, tráng lệ này toạ lạc ở đây.

Định tuổi cho *Toà bố* Biên Hoà không khó mà cũng không dễ chút nào. Niên đại 1923 là niên đại khánh thành công trình hiện tồn do nhà nước thuộc địa Pháp thực hiện. Ngay cả danh xưng *Toà bố* Biên Hoà có giả thuyết cho rằng Minh Mạng thập tam niên (1832) cũng cần xem xét thêm vì trước đó rất lâu, lý sở Trấn Biên và quận lý Phước Long cũng định vị không tuyệt đối ở khu vực này. Rất tiếc *Toà bố* do triều Nguyễn xây dựng bằng gỗ theo truyền thống Á Đông không để lại dấu vết và chắc cảng thị Đại Phố sầm uất một thời có làm mờ nhạt hình bóng Trấn Biên dinh. Thêm một chi tiết lý thú, là ngày xưa người ta còn gọi chợ Biên Hoà và chợ Dinh phải ở liền Trấn dinh.

Trở lại tháng 12 - 1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tiến đánh và chiếm dễ dàng thành Biên Hoà khi tàn quân của triều đình do Thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương chỉ huy chưa kịp củng cố sau trận đại bại ở Chí Hoà. Biên Hoà rơi vào tay quân Pháp. Triều đình nhà Nguyễn ký hàng ước Patenôtre nhượng 3 tỉnh miền Đông gồm: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, trở thành thuộc địa của Pháp. Thực dân Pháp nhanh chóng thiết lập chế độ thuộc địa, thay thế quan Tuần phủ của triều đình ở *Toà bố* Biên Hoà, hình thành bộ máy cai trị đồng thời với việc xây dựng cơ sở vật chất cho thiết chế ấy. Trong đó, đặc biệt ưu tiên cho quân đội để quản lý vùng đất mới ở điểm cao Dốc Sỏi thành cũ được sửa sang tu bổ, đội pháo thủ dựng giữa trung tâm (Trường Nguyễn Du hiện nay). Suốt nửa thế kỷ các sĩ quan hải quân và lục quân Pháp thay nhau cầm quyền ở Biên Hoà.

Tòa hành chánh tỉnh được xây dựng thay cho *Toà bố* Biên Hoà ngay sau đó. Các loại vật liệu cơ bản đều chở từ Pháp sang, nhất là sắt thép và xi măng. Do chưa có kỹ thuật đổ bê tông nên người ta xây chông nhiều lớp gạch, xi măng hỗn hợp cát vôi nên tường dày 0,5 m (gọi là tường 50), lên lầu phải dùng dầm thép kích thước lớn làm đà chịu lực. Bên cạnh đó, Dinh tỉnh trưởng (nay là Nhà thiếu nhi) cũng đồng thời xây dựng.

Trong bối cảnh thời gian và không gian ấy rõ ràng đây là công trình kiến trúc đường bộ, nguy nga bậc nhất ở vùng Biên Hoà. Cũng phải công nhận rằng sau gần một thế kỷ tồn tại nó vẫn không có vẻ lỗi thời, đường nét kiến trúc và trang trí *gothique* vẫn còn gợi cảm cho đến hôm nay.

Cảnh quan sông nước vốn mỹ lệ, hoành tráng được tập quán trồng cây xanh, lập vườn hoa quanh công sở kiểu Pháp làm tăng sự hài hoà duyên dáng cho công trình. Ngoài các cây dầu, sao, phượng, họ cho trồng thêm cây xà cừ, chuối rẽ quạt... mang về từ châu Phi, Ấn Độ, một số cây vẫn còn toả bóng cho đến tận hôm nay.

Miêu tả *Toà bố* Biên Hoà mà quên đi *nhà Mát* là một thiếu sót. Ngôi nhà thủy tạ mảnh mai thanh tú này ra đời đồng thời với *Toà bố*. Đứng trên *nhà Mát* có thể bao quát toàn cảnh đôi bờ sông mở rộng, mênh mông xanh ngắt, hai cây cầu sắt vắt ngang và mỏm Cù Lao Phố nhô ra như mũi một con tàu dừng mãi. Đẹp nhất khi hoàng hôn buông xuống tím ngắt, thăm thẳm, thấp thoáng đàn cò trắng bay trên làn sương chiều và những đám mây ngũ sắc xây thành xa xa.

Phía sau *Toà bố*, nơi thường gọi là Công trường Sông Phố, trước Cách mạng tháng Tám, giữa vòng xoay ấy là một ngôi nhà lục giác xinh xinh, dàn nhạc fanfare vẫn thường đến hoà tấu những khúc quân hành vào những ngày lễ hội và ngày Chủ nhật. Thuở ấy, con đường xuyên Việt duy nhất phải lượn qua đây để đến những cây cầu sắt bắc qua sông Đồng Nai.

Chính tại giao lộ trước *Toà bố*, ngày 27 - 8 - 1945, toàn dân Biên Hoà đã tụ hội về đây chào mừng Ủy ban Cách mạng lâm thời Biên Hoà sau những ngày tổng khởi nghĩa sôi động.

Chắc hẳn người Pháp đã nghĩ rằng họ sẽ vĩnh viễn ở lại đây chứ không phải chỉ ngần ấy năm, đó cũng là thuộc tính của chủ nghĩa thực dân. Toà hành chánh đường bộ nguy nga và đầy uy lực này khẳng định điều đó và vì thế nó trở thành một nhân chứng quan trọng bậc nhất cho gần một thế kỷ dẫu bề thẳm ở vùng đất Biên Hoà này.

Hàng trăm năm trôi qua, cột cờ vẫn ở chỗ đó. Ngày ngày lá cờ đỏ sao vàng, quốc kỳ của nước Việt Nam vẫn lồng lộng đón gió Đồng Nai. Nhưng có ai biết được rằng để có được ngày hôm nay, màu cờ trên đỉnh cột đã bao lượt phải đổi màu.

Tháng 12 - 1861, Biên Hoà thất thủ trước sức tấn công của liên quân Pháp - Tây Ban Nha, lá cờ quẻ Ly tả tơi rơi xuống, lá cờ tam tài ngạo mạn kéo lên, đó cũng là giờ phút mở đầu cho một chương lịch sử bi thương uất hận, của một kiếp sống nô lệ làm than tui cực khôn cùng của người dân Biên Hoà.

Cuộc kháng chiến chống xâm lược của người dân Biên Hoà lẻ tẻ khi âm ỉ bùng nổ với các phong trào nông dân yêu nước do các sĩ phu phát động không đủ sức lật đổ bộ máy cai trị của quân đội và chính quyền thực dân, với Trương Định rồi Trương Quyền... đến Đoàn Văn Cự, Trại Lâm Trung...

Toà bố Biên Hoà, biểu tượng của quyền uy xâm lược chỉ thật sự lung lay khi các chi bộ cộng sản Phú Riềng, Bình Ý - Tân Triều, depot Dĩ An, Nhà máy Cưa BIF ra đời, khi giai cấp công nhân với Đảng tiên phong của nó vào cuộc.

Lần thứ hai màu cờ trên đỉnh *Toà bố* Biên Hoà thay màu là đêm 9 - 3 - 1945. Chỉ trong một đêm sáng dậy đã thấy lá cờ “mặt trời mọc” của nước Phù Tang thay chỗ cho lá cờ tam tài và những tên lính thiên hoàng lê tuốt trần lạnh

lùng thế chỗ những tên lính địa phương gác trước cổng *Toà bố* và hầu hết các công sở. Một cuộc đảo chánh ngoạn mục đến bất ngờ.

Nhưng lá cờ mặt trời của phát xít Nhật chỉ lừng lơ không tròn 6 tháng. Bão táp Cách mạng tháng Tám dâng lên trên toàn quốc, cuốn phăng đi quá khứ u buồn, lớp lớp người với tầm vông, giáo mác vùng lên. Ngày 26 - 8 - 1945, lá cờ đỏ sao vàng trang trọng được kéo lên cột cờ *Toà bố*. Việt Nam độc lập thật sự, nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ra đời.

Một tháng với hơn 30 ngày là rất ngắn ngủi nhưng cũng đủ để khẳng định một nền độc lập tự chủ, đủ để mở đầu một kỷ nguyên chiến đấu bảo vệ nền độc lập tự chủ ấy.

Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp núp sau lưng quân đội Anh - Ấn tái chiếm Nam bộ, tái chiếm Biên Hoà. Tạm biệt quê hương, đoàn người yêu nước theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, của Bác Hồ tình nguyện đi trước, núp giáo tầm vông, giương cao ngọn cờ đỏ sao vàng hát vang lên đường lập chiến khu kháng chiến mà lòng đầy tin tưởng.

Lá cờ ba sắc lại trở lại ngự trị trên *Toà bố* Biên Hoà dưới áp lực của đội quân lê dương tàn ác. Quân dân Biên Hoà bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm gian lao mà anh dũng đã bao phen làm lá cờ tam tài trên đỉnh *Toà bố* run rẩy và thực sự hạ xuống vĩnh viễn sau thảm bại Điện Biên Phủ.

Khi cờ *ba que* núp sau lá cờ đầy sao và sọc kéo lên, màu cờ phản bội và dã tâm đã đưa cường độ cuộc chiến lên đến đỉnh điểm của sự tàn khốc. Nhưng việc gì đáng đến đã đến, đến như một quy luật. Một sáng mùa xuân năm 1975, khi quân Mỹ đã tháo chạy, bộ máy bán nước sụp đổ, đại quân Giải phóng rầm rập tiến về, một nữ chiến sĩ tự vệ mật, một nữ đảng viên cộng sản cùng đồng đội đã giương cao ngọn cờ xanh đỏ sao vàng trên đỉnh *Toà bố* Biên Hoà, kết thúc 30 năm đấu tranh bảo vệ màu cờ thắm tươi của Tổ quốc. Nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Di tích *Toà bố* Biên Hoà đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xếp hạng di tích cách mạng theo Quyết định số 62/QĐ - UBT, ngày 16 - 2 - 1979.

Đỗ Bá Nghiệp

QUẢNG TRƯỜNG SÔNG PHỐ

Quảng trường Sông Phố (còn gọi là Công trường Sông Phố) là khu vực giao lộ của hai tuyến đường Cách mạng tháng Tám và đường 30 tháng 4. Đây là hai trục giao thông chính: một từ hướng Quảng trường tỉnh chạy dọc xuống và một chạy ngang chiều con sông Đồng Nai tạo thành hình chữ T trong nội ô Biên Hoà. Người dân quen gọi Quảng trường Sông Phố với cái tên thân thương là Bùng binh Trung tâm vì nó tọa lạc gần các công sở của tỉnh và từ đây có những ngã đường toả đến các địa điểm trên địa bàn thành phố Biên Hoà.

Sau khi đánh chiếm và bình định Biên Hoà, vào đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã tiến hành xây dựng nhiều công sở trên vùng đất này để phục vụ cho chính quyền thuộc địa. Quảng trường Sông Phố được xây dựng cùng với kiến

trúc của *Toà bố* Biên Hoà, Dinh tỉnh trưởng, tạo nên một khung cảnh hài hoà giữa lòng thành phố có qui mô vừa phải bên sông Đồng Nai thơ mộng.

Tại khu vực giao lộ, một hồ nước được xây dựng kiên cố nhưng hài hoà trong cảnh quan chung của các tuyến giao thông. Trong hồ có bộ đài phun nước với giá đỡ là tác phẩm gốm của nghệ nhân Biên Hoà tạo tác. Những con cá trong thể rồng dựng dáng vờn nước trông đẹp mắt qua các tia nước được luân chuyển phun lên. Toàn cảnh với lối bố trí kiến trúc giữa giao lộ tạo thêm vẻ mỹ quan của khu vực Quảng trường bên cạnh các kiến trúc công sở, tôn giáo duyên dáng.

Quảng trường Sông Phố đã đi vào lịch sử xứ Biên Hoà từ những ngày sôi động khi quân chúng nổi dậy cướp chính quyền mùa thu năm 1945. Ngày 27 - 8 - 1945, nơi đây đã diễn ra cuộc mít tinh trọng thể chào mừng chính quyền cách mạng lâm thời đầu tiên của tỉnh Biên Hoà.

Trong khí thế cách mạng của tháng Tám lịch sử trên cả nước, người dân Biên Hoà hăng hái tham gia vào cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Sau khi nhận được chủ trương của Xứ uỷ Nam kỳ, Uỷ ban khởi nghĩa của tỉnh Biên Hoà được thành lập và nhanh chóng tập hợp, lãnh đạo quân chúng khởi nghĩa. Trong những ngày cuối tháng Tám năm 1945, trước làn sóng cách mạng dâng cao, bộ máy chính quyền thuộc địa ở Biên Hoà hầu như bị tê liệt. Các lực lượng cách mạng, yêu nước được tập hợp: Thanh niên Tiên phong, tự vệ chiến đấu, quần chúng yêu nước dưới sự lãnh đạo của Uỷ ban khởi nghĩa Biên Hoà nhanh chóng chiếm lấy các cơ sở địch. Ngày 26 - 8 - 1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa tập trung hàng trăm quần chúng tiến vào *Toà bố* Biên Hoà treo lá cờ đỏ sao vàng. Đồng bào Biên Hoà vui mừng, reo hò vang dậy, ngắm lá cờ Tổ quốc tung bay. Uỷ ban khởi nghĩa Biên Hoà buộc chính quyền thuộc địa bàn giao chính quyền cho cách mạng, báo hiệu một thời kỳ mới độc lập, tự do, người dân đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, thoát khỏi ách thống trị của ngoại bang.

Buổi sáng ngày 27 - 8 - 1945, tại Quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Gần một vạn người từ các nơi kéo về đây tham dự. Trong không khí trào dâng của thắng lợi cách mạng, đồng chí Dương Bạch Mai - cán bộ Xứ uỷ Nam kỳ đại diện Mặt trận Việt Minh ở Nam bộ diễn thuyết về đường lối cách mạng của Đảng được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Đồng chí Hoàng Minh Châu, Chủ tịch Uỷ ban khởi nghĩa, tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố Uỷ ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hoà gồm các đồng chí :

Hoàng Minh Châu - Chủ tịch.

Huỳnh Văn Hớn - Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban Tuyên truyền.

Nguyễn Văn Long - phụ trách cảnh sát tỉnh.

Ngô Hà Thành - phụ trách Quốc gia tự vệ cuộc (công an tỉnh)

Ông Nguyễn Văn Tàng - phụ trách Ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh.

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ. Hơn một vạn người thay mặt cho 15 vạn đồng bào trong tỉnh đã long trọng giơ cao nắm tay tuyên thệ, sẵn sàng hy sinh tính mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do cho Tổ quốc. Đến 12 giờ trưa, cuộc mít tinh kết thúc. Quần chúng phấn khởi hô vang các khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Việt Minh muôn năm”... Cuộc mít tinh kết thúc, hàng vạn đồng bào tuần hành biểu dương lực lượng. Các đơn vị tự vệ chiến đấu bảo vệ cho từng đoàn người cuộn cuộn lẫn trong cờ hoa, biểu ngữ thật

hào hùng. Những bước chân rầm rập, cùng với tiếng hô khẩu hiệu rền vang như pháo nổ vút lên cao, đầy khí thế như hoà chung cùng cách mạng, với niềm vui của nhân dân cả nước. Cả thị xã Biên Hoà như bừng tỉnh hồi sinh sau bao năm tháng bị kẻ thù kìm kẹp, thống trị bằng súng đạn. Đoàn người tuần hành vừa đi vừa hát những bài ca cách mạng, thể hiện lòng quyết tâm cao độ bảo vệ chính quyền cách mạng, lòng yêu nước nồng nàn như một dòng thác cuốn phăng đi những kẻ xâm lược và tay sai bán nước.

Di tích Quảng trường Sông Phố đã được Bộ Văn hoá - Thông tin và Thể thao xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 2307/QĐ, ngày 30 - 12 - 1991.

Lương Thuý Nga - Phan Đình Dũng

CỤM DI TÍCH CHIẾN THẮNG LA NGÀ

Cụm di tích chiến thắng La Ngà trải dài trên 9km đoạn Quốc lộ 20 từ km 104 đến 113 qua các xã Phú Ngọc, Ngọc Định và Phú Hiệp của huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Quốc lộ 20 được thực dân Pháp xây dựng từ đầu thế kỷ XX, là đường giao thông chiến lược nối liền Sài Gòn với Đà Lạt, từ Đà Lạt còn có nhiều con đường nối với các tỉnh Tây Nguyên đến trung Hạ Lào và xuống các tỉnh vùng duyên hải miền Trung. Ngày trước, đoạn Quốc lộ 20 qua di tích chiến thắng La Ngà chỉ là con đường trải nhựa nhỏ bé (khoảng 5-6 mét), quanh co khúc khuỷu men bên sườn núi, có những đoạn dốc cao kéo dài. Phía đông, đường dốc thoải dần xuống thung lũng, có những chỗ là vực sâu. Phía tây, đường chạy theo những triền núi cao, cách sông Đồng Nai 7km. Hai bên đường toàn rừng già, không có dân cư sinh sống. Buổi sáng có thể nhìn thấy những bãi phân voi to như chiếc rổ rai rác trên mặt đường. Buổi chiều rừng nguyên sinh tĩnh lặng đến độ người ta có thể nghe tiếng xào xạc trên các tán cây hay tiếng bước chân của các loài thú rừng. Vào mùa mưa, sương mù bao trùm cả cánh rừng làm cho môi trường càng âm u, tĩnh lặng.

Ngày nay, Quốc lộ 20 được mở rộng, nâng cấp và trải bê tông nhựa phẳng nhẵn. Cảnh rừng nguyên sinh không còn nữa; thay vào đó hai bên đường là những ngôi nhà cao tầng đa màu sắc, cảnh thị tứ phố xá đông vui tấp nập. Dưới sông La Ngà, làng cá bè uốn lượn tạo những đường nét thơ mộng, trù phú. Cầu La Ngà được xây mới cao hơn, đẹp hơn. Đứng trên đỉnh cầu lộng gió nhìn về tả ngạn sông La Ngà, một tượng đài cao hơn 20 mét sừng sững trên ngọn đồi Gió hiên ngang giữa mây trời, soi bóng xuống dòng sông. Đó là quần thể công viên Tượng đài chiến thắng La Ngà. Nơi ghi dấu chiến công hiển hách của Chi đội 10, Liên quân 17 và Trung đội Quốc vệ đội huyện Xuân Lộc vào ngày 1 - 3 - 1948.

Đầu tháng 11 - 1947, ý tưởng phục kích đánh địch tại La Ngà đã được đồng chí Huyện đội trưởng Huyện đội Xuân Lộc báo cáo với đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Tư lệnh phó Khu 7 kiêm Chi đội trưởng Chi đội 10, nhân chuyến đi nghiên cứu địa hình để đánh trận Đồng Xoài: “Trên Quốc lộ 20 có nhiều địa

điểm phục kích rất tốt, tôi nhớ quãng La Ngà, địa hình của nó cũng có nhiều điểm tương tự như ở Đồng Xoài này”. Ý kiến đánh trận La Ngà đã được Tỉnh uỷ Biên Hoà nghiên cứu, quyết định nhanh chóng và bắt tay ngay vào xúc tiến công tác chuẩn bị.

Tỉnh uỷ giao nhiệm vụ cho Huyện uỷ Xuân Lộc lo việc huy động lương thực trong quần chúng nhân dân, lập kho bí mật rải rác từ khu căn cứ đến gần vùng La Ngà, Huyện đội Xuân Lộc cùng Chi đội 10 lo việc tổ chức điều tra nắm tình hình địch và chuẩn bị chiến trường.

Đầu tháng 12 - 1947, một phân đội trinh sát đặc biệt (nguyên là Ban công tác liên thôn IX do Đỗ Thanh Tùng phụ trách) cùng cán bộ địa phương lên đường đi La Ngà. Sau nhiều ngày trinh sát, Ban chỉ huy Chi đội 10 quyết định chọn trận địa phục kích từ km 104 (cách đồn La Ngà 3 km về phía Sài Gòn) đến km 113 (cách đồn Định Quán 2 km về phía Đà Lạt). Đây là một trận địa vừa thuận lợi cho việc phục kích và vận động bất ngờ từ trên cao đánh xuống mặt đường vừa có sông Đồng Nai ở phía tây là hào chắn thiên nhiên bảo đảm cho bộ đội ta rút lui an toàn sau trận đánh.

Công tác chuẩn bị cho trận đánh được ráo riết thực hiện ngay từ đầu năm 1948. Rút kinh nghiệm trận Đồng Xoài, binh công xưởng sản xuất mìn Bazomin với lượng thuốc nhiều hơn, đủ sức phá hủy xe thiết giáp của địch. Các cán bộ, chiến sĩ của Huyện đội Xuân Lộc đã lặn lội về những buôn sóc hẻo lánh vận động đồng bào dân tộc thiểu số góp từng lon gạo, trái bắp. Công nhân các đồn điền cao su cũng tìm mọi cách vượt qua sự kiểm soát gắt gao của địch để gom góp, vận chuyển gạo đến khu vực tập kết hậu cần. Phân đội trinh sát đặc biệt của Chi đội 10 phát hiện khoảng 15 mẫu lúa rẫy đã oằn bông của đồng bào dân tộc Mạ, nhưng không ai chăm sóc (có lẽ đồng bào đã bị quân Pháp lừa vào các khu tập trung hoặc đã di chuyển vào vùng sâu), các chiến sĩ tổ chức đánh bắt cá trèng, cá lăng ở suối Sa Sả và vàm sông La Ngà, xẻ phơi khô dự trữ dài ngày. Với 15 mẫu lúa thu hoạch được của phân đội trinh sát đặc biệt và gạo do nhân dân trong khu căn cứ Định Quang ủng hộ, ta chuẩn bị được hai kho gạo và cá khô ở ven suối Sa Sả và vàm ngã ba sông La Ngà - Đồng Nai, đủ cho 1000 quân ăn trong một tuần - Giải quyết được vấn đề khó khăn về lương thực theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Chi đội 10.

Đến giữa tháng 2 - 1948, công tác chuẩn bị phục kích địch tại trận địa La Ngà về căn bản đã hoàn thành. Kế hoạch tác chiến được phê duyệt. Lực lượng tham gia trận đánh gồm: Chi đội 10 (Đại đội A, B, C) quân số 700 người (400 tay súng); Liên quân 17, quân số khoảng 250 người và Trung đội Quốc vệ đội huyện Xuân Lộc. Tổng số khoảng 1000 quân (chưa kể lực lượng du kích đánh chặn địch ở đoạn Hồ Nai - Dầu Giây). Vũ khí ta có: đại liên, trung liên, tiểu liên, súng trường, lựu đạn và chai xăng.

Ngoài ra, trận đánh được cấp trên cho 3 quả mìn địa lôi để đánh xe cơ giới của địch. Chỉ huy trận đánh: đồng chí Nguyễn Văn Lung, Chi đội phó Chi đội 10.

Trận địa phục kích bố trí thành ba khu vực:

Tại khu vực A (từ km 111 đến km 113 phía Định Quán), lực lượng phục kích gồm Đại đội B, Quốc vệ đội và dân quân du kích huyện Xuân Lộc do Đại

đội trưởng Lê Văn Ngọc chỉ huy, có nhiệm vụ chặn đầu đoàn xe, tiêu diệt bộ phận hộ tống mở đường và chặn đánh địch từ Định Quán xuống tiếp viện.

Tại khu vực B (từ km 107 đến km 111 đoạn giữa), lực lượng phục kích gồm một bộ phận của Đại đội C cùng Liên quân 17 do Hoàng Minh Chánh chỉ huy, làm nhiệm vụ tiến công chính giữa tiêu diệt toàn bộ quân địch đang di chuyển trong khu vực.

Tại khu vực C (từ km 104 đến km 107, phía cầu La Ngà), lực lượng phục kích là Đại đội A do Đại đội trưởng Nguyễn Văn Quang chỉ huy, nhận nhiệm vụ khóa đuôi, tiêu diệt địch và chặn đánh quân tiếp viện từ đồn La Ngà lên.

Một tổ đặc nhiệm của Chi đội xây dựng trận địa nghi binh cách Quốc lộ 20 khoảng 4km về phía đông nhằm đánh lạc hướng máy bay địch. Các bộ phận hậu cần đặt ở tả ngạn sông Đồng Nai, cách sở chỉ huy khoảng 6 km.

Lực lượng dân quân du kích huyện Châu Thành cùng một trung đội thuộc Đại đội C làm nhiệm vụ quấy rối ngăn chặn nghi binh địch dọc Quốc lộ 1 từ Hồ Nai đến ngã ba Dầu Giây, buộc địch phải giảm tốc độ hành quân, sao cho khi đoàn xe đến khu vực trận địa phục kích vào khoảng từ 15 đến 16 giờ (thông lệ là 12-13 giờ), là thời điểm có nhiều sương mù, hạn chế tầm hoạt động của máy bay địch và viện binh của chúng từ Biên Hoà không thể lên kịp trước khi trời tối.

Sở chỉ huy đặt tại đồi 100 ở km 107, liên lạc giữa sở chỉ huy với các khu vực trận địa bằng điện thoại và với Bộ Tư lệnh Khu 7 bằng vô tuyến điện.

Cuối tháng 2 - 1948, được tin tình báo của ta ở Sài Gòn cho biết đầu tháng 3 - 1948 sẽ có một đoàn xe quân sự Pháp lên Đà Lạt. Ngay đêm 26 - 2 - 1948, Đại đội A và Đại đội C của Chi đội 10 cùng Liên quân 17 xuất phát hành quân theo kế hoạch đã định trước đến tập trung đầy đủ ở Suối Cát, vị trí tạm dừng gần trận địa phục kích. Đại Đội B của Chi đội 10 cùng Quốc vệ đội xuân Lộc từ hướng đông vượt sông La Ngà và Quốc lộ 20 đến vị trí tập kết khu vực A. Đêm 29 - 2 - 1948, các đơn vị vào chiếm lĩnh trận địa.

Ngày 1 - 3 - 1948, một đoàn xe quân sự Pháp gồm 70 chiếc (có xe thiết giáp hộ tống) vận chuyển hàng và chở sĩ quan cao cấp đi họp từ Sài Gòn đi Đà Lạt. Đúng như kế hoạch tác chiến, lực lượng du kích quận Châu Thành đã làm vật cản và dùng từng tổ, tiểu đội đánh nhỏ lẻ, hạn chế được tốc độ đoàn xe, buộc đoàn xe đến khu vực phục kích đúng thời gian theo ý định tác chiến của ta.

Đúng 15 giờ 12 phút ngày 1 - 3 - 1948, tốp xe đi đầu vào đúng chỗ đường ngoặt của khu vực phục kích A, ta cho nổ địa lôi phát lệnh tiến công. Một xe thiết giáp cùng hai xe chở lính đi đầu bị trúng địa lôi bốc cháy, xe nằm cản giữa đường. Viên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin tan xác tại chỗ. Mất liên lạc vô tuyến, các xe phía sau vẫn tiếp tục nối đuôi nhau tiến lên và dồn đống tại khu vực trận địa A, một số chiếc chồng lên nhau, có chiếc rơi xuống vực. Bộ phận chặn đầu tập trung hỏa lực bắn mãnh liệt vào đội hình của địch rồi đồng loạt xung phong tiêu diệt gọn bộ phận đi đầu của địch, bắt nhiều tên. Quân địch bị tê liệt hoàn toàn.

Tại khu vực B, các xe địch lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, lúng túng chống đỡ. Bộ phận tiến công chính giữa (chủ yếu) tập trung hỏa lực bắn dồn dập vào 4 xe chở lính hộ tống, xung phong xuống mặt đường dùng trung liên, tiêu liên, lựu đạn diệt nhiều sinh lực địch và ném các chai xăng đốt cháy

các xe vận tải, nhanh chóng làm chủ khu vực trận địa được phân công. Sau 5 phút chiến đấu, ta tiêu diệt 56 tên địch, phá hủy 28 xe.

Tại khu vực C, đúng 15 giờ 14 phút, ta cho địa lôi nổ và đồng loạt nổ súng tiến công. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt và gay go hơn cả vì những tốp cuối cùng của đoàn xe địch đi cách nhau rất xa. Khi trận địa này bắt đầu nổ súng tiến công, vẫn còn 10 xe lẫn đội hộ tống hậu vệ vẫn chưa qua cầu La Ngà nên đã phải đánh làm hai đợt.

Đợt thứ nhất, sau 10 phút giao tranh, chiếm được 16 xe (gồm 3 xe chở lính và 13 xe vận tải), vừa lúc ấy tốp cuối của đoàn xe đi tới. Lập tức, Đại đội trưởng Nguyễn Văn Quang điều ngay 2 tiểu đội và 1 khẩu trọng liên ở trên điểm cao bắn mãnh liệt vào đội hình địch. Chúng xô nhau tháo chạy, tranh nhau nhảy lên xe rút về phía đồn La Ngà. Tại trận địa C, ta tiêu diệt 31 tên; bộ đội ta hy sinh 2 đồng chí và bị thương 2 chiến sĩ.

Trận đánh kết thúc lúc 15 giờ 57 phút, các đơn vị nhanh chóng thu dọn chiến trường rút về khu tập kết ở Suối Cát, dẫn giải theo 270 tù binh và hành khách. Riêng số lính Pháp bị thương không đi được cùng với khoảng 50 thường dân gồm những người già, trẻ em, nhà tu hành... sau khi được bộ đội giải thích chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ đã được phóng thích.

Trận đánh kết thúc từ 15 giờ 57 phút nhưng mãi đến 17 giờ, ba máy bay địch từ sân bay Biên Hoà mới lên ứng cứu, bắn loạn xạ khoảng nửa giờ vào khu vực nghi binh phía đông Quốc lộ 20. Khoảng nửa đêm, viện binh của địch từ Đà Lạt và từ Biên Hoà mới đến được La Ngà để chứng kiến cảnh xác lính và xe quân sự nằm ngổn ngang trên đường.

Kết quả: Sau 45 phút, ta tiêu diệt đoàn xe quân sự Pháp gồm 59 chiếc, 150 tên địch (có 25 sĩ quan), trong đó có hai đại tá: Đờ Xêrinhê (De Sérigné), chỉ huy bán Lữ đoàn lê dương thứ 13 (13 e DBLE) và Patoruyt (Patruite), Phó tổng Tham mưu trưởng thứ nhất của quân đội Pháp ở miền Nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy khu vực quân sự Hóc Môn (không rõ tên) và đại úy Giăng Cuvoro (Jean Couvreur), trưởng phòng xe hơi trong Bộ Tổng Tham mưu quân đội Pháp ở Đông Dương. Thu nhiều vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng.

Trận phục kích La Ngà là một chiến công xuất sắc của quân và dân miền Đông Nam bộ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Chiến thắng La Ngà đã gây tiếng vang lớn ở Sài Gòn, ở trong nước và sang cả nước Pháp. Quốc hội Pháp chất vấn chính phủ về trận La Ngà. Viên đại tá Ta - lét (Thalès), chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai Thượng bị giáng chức nên đã tự tử. Số tù binh được thả và hành khách đi theo đoàn xe, trong đó có nhiều trí thức, doanh nghiệp Pháp trở thành lực lượng tuyên truyền rộng rãi về cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Minh.

Chiến thắng La Ngà đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc về khả năng tổ chức chuẩn bị chiến đấu, lựa chọn trận địa phục kích, có cách đánh phù hợp, tổ chức bố trí đội hình phục kích tốt của người chỉ huy và sự phát triển mới về trình độ chiến thuật, kỹ thuật của lực lượng vũ trang miền Đông Nam bộ.

Hơn 55 năm trôi qua những âm vang Chiến thắng La Ngà vẫn còn đó. Tại chiến trường xưa, trên ngọn đồi Gió bên dòng sông La Ngà, Tượng đài Chiến thắng La Ngà như một biểu tượng tình cảm thiêng liêng của hậu thế khắc ghi

công cao to lớn của cha ông đã tạo nên một chiến công bất tử, một dấu son chói lọi trong lịch sử đấu tranh của dân tộc.

Cụm di tích chiến thắng La Ngà đã được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 235/VH - QĐ, ngày 12 - 12 - 1986.

Nguyễn Hồng Ân

NHÀ LAO TÂN HIỆP

Nhà lao Tân Hiệp (Trung tâm Huấn chính Biên Hoà) xưa kia thuộc thôn Tân Phong, tổng Phước Vinh, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, trấn Biên Hoà, nay tọa lạc trên Quốc lộ 1, phường Tân Tiến (TP. Biên Hoà), cách trung tâm thành phố Biên Hoà khoảng 1 km về hướng tây.

Nhà lao Tân Hiệp vốn là bãi tha ma của những người bạc số, xung quanh bãi tha ma là rừng cao su của các nhà tư bản Võ Hà Thanh, Võ Hà Trị...

Khi phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương đã xây dựng trên bãi tha ma này một chiếc đồn nhỏ để bảo vệ chiếc cầu bắc qua rạch Đồng Tràm và đoạn Quốc lộ 1 ngang qua thị xã Biên Hoà. Khi thực dân Pháp tái chiếm nước ta, chúng mở rộng và xây dựng lại đồn Tân Hiệp thành trại tù binh chiến tranh (Campdesprisom niers Guerre).

Sau Hiệp định Geneve, đế quốc Mỹ trực tiếp nhảy vào xâm lược nước ta, một công cụ không thể thiếu đối với bộ máy phát xít của Mỹ-Diệm là hệ thống nhà tù, trại giam. Vì vậy, giữa năm 1955, trại tù binh chiến tranh Tân Hiệp được Mỹ - ngụy cải tạo mở rộng thành một trong nhà tù lớn nhất ở miền Nam Việt Nam⁸ có tên gọi mị dân là: “Trung tâm Huấn chính Biên Hoà”, nhân dân quen gọi là Nhà lao Tân Hiệp, nơi giam giữ những chiến sĩ cách mạng, đồng bào yêu nước và những người thuộc các phe phái chống chế độ Diệm.

Nhà lao Tân Hiệp tọa lạc trên khu đất trũng pha cát có tổng diện tích 36.000m² (200 m x 180 m). Đây là một vị trí quân sự quan trọng nằm án ngữ phía đông - bắc thị xã Biên Hoà. Phía bắc giáp Quốc lộ I, Dưỡng trí viện Biên Hoà, cách sân bay chiến lược Biên Hoà và Ty Công an Biên Hoà (ngụy) khoảng 1km. Phía nam giáp đường xe lửa Bắc - Nam, cách sông Đồng Nai khoảng 2km. Phía đông cách xa lộ Biên Hoà và Tổng kho Long Bình khoảng 6km. Phía tây giáp Suối Máu, xung quanh có thừa thớt nhà dân di cư năm 1954.

Do có vị trí biệt lập, lại thuận tiện giao thông nên Mỹ - Diệm đã xây dựng khu đất này thành nhà tù để giam giữ tù chính trị. Nhà lao Tân Hiệp có những mặt thuận lợi:

Thứ nhất: tù nhân bị cách biệt với bên ngoài.

Thứ hai: thuận tiện cho việc nhận tù từ các nhà lao Gia Định, Catina và các nơi khác chuyển đến, dễ dàng chuyển tù đi Côn Đảo, Phú Quốc...

Nhà lao Tân Hiệp (trước cuộc vượt ngục của chính trị phạm ngày 2 - 12 - 1956), được bao bọc bởi hai lớp dây kẽm gai bùng nhùng và một hệ thống tháp canh (lô cốt) kiên cố. Các tháp canh số 1, 3, 5, 7 được trang bị súng trung liên,

⁸ Nhà tù: Công Đảo, Phú Quốc, Phú Lợi, Thủ Đức, Chí Hoà, Tân Hiệp.

một loại vũ khí hiện đại lúc bấy giờ. Nhà lao Tân Hiệp có 7 trại giam được gọi theo chữ cái A, B, C, E, D, G và trại giam phụ nữ (trại ngoại). Trong đó, trại E, D, G và trại ngoại là nơi giam giữ các chiến sĩ cách mạng, đảng viên Cộng sản trung kiên và đồng bào yêu nước. Các trại này, bọn địch xếp loại là “những trại cứng đầu”, do đó sự quản lý và đối xử chặt chẽ, hà khắc hơn các trại khác. Ngoài ra, Nhà lao Tân Hiệp còn có đồn canh, kho để vũ khí, văn phòng làm việc, nhà ở của giám đốc, chánh giám thị, bệnh xá và nhà bếp...

Trong chế độ ngục tù của Mỹ - ngụy, ngoài các cực hình tra tấn dã man, tàn bạo nhằm làm lung lay ý chí người Cộng sản, chúng còn áp dụng chủ thuyết đánh vào tâm lý và tình cảm của những người đang bị chúng giam cầm. Trước tình hình trên, số cán bộ, đảng viên trong nhà tù thấy cần phải có một tổ chức Đảng để lãnh đạo và thống nhất chủ trương, hành động, đồng thời tìm thời cơ thuận lợi phá ngục trở về với Đảng, với nhân dân tiếp tục chiến đấu. Chính vì lẽ đó, Đảng uỷ Nhà lao Tân Hiệp được bí mật thành lập do đồng chí Nguyễn Duy Đán (tức đồng chí Nguyễn Trọng Tâm) phụ trách, số đảng viên có khoảng 200 người sinh hoạt trực tiếp trong các chi bộ của từng trại giam.

Nhiệm vụ của Đảng uỷ nhà tù là lãnh đạo các cán bộ đảng viên đấu tranh với kẻ thù, chống dụ dỗ mua chuộc, chống “chào cờ quốc gia”, chống “học tổ cộng”, tổ chức các lớp học văn hoá và các buổi biểu diễn văn nghệ để nâng cao nhận thức, trình độ, lòng yêu nước. Bằng nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh, Đảng uỷ nhà tù đã biến nhà tù của đế quốc thành trường học rèn luyện, thử thách bản lĩnh của người chiến sĩ Cộng sản và đặc biệt, Đảng uỷ nhà tù đã bí mật họp đề ra chủ trương phá khám để chính trị phạm sớm trở về tiếp tục chiến đấu.

Sau một thời gian điều nghiên kỹ qui luật hoạt động của địch trong nhà tù và chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, bằng con đường liên lạc công khai dưới hình thức thăm nuôi với má Tạ Thị Lộc (tức bà Tư Cương) ở hẻm Cây Me, (nay thuộc phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà), Đảng uỷ nhà tù đã báo cáo và xin ý kiến với Liên Tỉnh uỷ miền Đông và Ban Bình vận Xứ uỷ Nam bộ về chủ trương phá khám và được thông qua. Tuy chưa bắt liên lạc được với Tỉnh uỷ Biên Hoà, nhưng Đảng uỷ nhà tù Tân Hiệp vẫn quyết tâm thực hiện theo kế hoạch.

Để chuẩn bị cho cuộc vượt ngục, Đảng uỷ nhà tù đã bí mật chỉ đạo cho các chi bộ theo dõi mọi hoạt động của địch trong trại giam, đồng thời tuyển chọn một số đồng chí là đảng viên ưu tú, khỏe mạnh đã từng là bộ đội, du kích có kinh nghiệm trong chiến đấu thành lập đội xung kích khoảng 60 người làm nòng cốt cho cuộc nổi dậy và thành lập tổ giao liên dẫn đường gồm những đồng chí là người địa phương thông thạo đường sá về các chiến khu. Mọi công việc chuẩn bị cho cuộc vượt ngục đến đầu tháng 11 năm 1956 cơ bản đã hoàn thành. Đảng uỷ nhà tù cử ra 300 đảng viên, chiến sĩ Cộng sản ưu tú, có đầy đủ sức khỏe nhận nhiệm vụ bước vào cuộc chiến đấu mới.

Dưới sự lãnh đạo của Liên Tỉnh uỷ miền Đông, buổi chiều chủ nhật ngày 2 - 12 - 1956, ngày lịch sử không bao giờ quên đối với các cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị địch giam cầm tại Nhà lao Tân Hiệp.

Giờ hành động đã đến, kế hoạch nổi dậy phá khám sẽ bắt đầu vào chiều ngày thứ bảy (1 - 12 - 1956), lấy hiệu lệnh sau hồi kèn báo cho tù nhân vào

trại. Nhưng buổi chiều ngày hôm đó, ta phát hiện thấy có xe chở bọn chỉ huy đặc cảnh miền Đông (P.S.E) và nhiều lính bảo an tăng cường cho nhà tù. Đảng uỷ nhà tù liền bí mật chỉ đạo cho các chi uỷ theo dõi sát mọi hoạt động của địch ở trại giam, đồng thời thay đổi giờ vượt ngục vào 17 giờ 45 phút chiều hôm sau (tức chủ nhật, ngày 2 - 12 - 1956).

Chiều chủ nhật 2 - 12 - 1956, tại Nhà lao Tân Hiệp, mọi sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường như mọi ngày. Sau bữa cơm chiều, đúng 17 giờ 30 phút, Đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc, mọi người tập trung trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. Riêng các đồng chí được phân công làm nhiệm vụ xung kích thì vẫn còn lảng vảng ở quanh sân, gần cột cờ và bót gác, vừa theo dõi tình hình địch, vừa chờ giờ hành động. Tiếng cười nói râm ran như mọi ngày, nhưng tiềm ẩn bên trong mỗi người là nỗi niềm băn khoăn giục giã trước giờ hành động. Tự nổi dậy, phá khám cướp súng địch, trở về với Đảng, với nhân dân sẽ là một cuộc chiến đấu vô cùng cam go, gian khổ và ác liệt, có thể không tránh khỏi sự hy sinh, mất mát. Nhưng mọi người đều khẳng định quyết tâm chiến đấu vì lý tưởng giải phóng quê hương đất nước, giải phóng đồng bào ra khỏi bàn tay độc ác của Mỹ - ngụy.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã áp sát mục tiêu được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn hoàn toàn giữ bí mật.

Đúng 17 giờ 45 phút, khi tên lính trực đánh hồi kêng báo cho tù nhân vào trại thì tiếng hô xung phong vang dội khắp trại giam. Đội xung kích chia làm 4 mũi đồng loạt đánh vào các mục tiêu đã định trước.

Mũi thứ nhất: do đồng chí Tạ Quang Huy chỉ huy từ trước văn phòng làm việc của ban giám đốc nhà tù đánh thẳng vào kho súng (mục tiêu số 1), mở đường cắt ngang qua Quốc lộ I.

Mũi thứ hai: do đồng chí Mìn và đồng chí Lem chỉ huy cũng từ trước văn phòng ban giám đốc đồng loạt đánh vào kho súng, cướp súng của địch trao cho các chiến sĩ xung kích khác và cùng chạy về phía sau trại giam không chế địch ở các lô cốt số 2 bis, số 3, số 4 và số 5, để anh em từ các trại giam chạy ra công an toàn.

Mũi thứ ba: do đồng chí Nguyễn Văn Lũy (tức đồng chí Hai Thông) và đồng chí Phan Văn Rô chỉ huy từ trại E đồng loạt đánh vào kho súng và văn phòng làm việc của ban giám đốc trại giam.

Mũi thứ tư: do đồng chí Phạm Văn Còn và đồng chí Sỏi chỉ huy, chia làm 2 mũi từ trước cột cờ đánh vào nhà tên giám đốc Nguyễn Văn Tính và chánh giám thị Nguyễn Văn Huệ. Cùng lúc, đồng chí Hồ Phước Nhơn (tức Hồ Thảo) và đồng chí Tám Thạnh đã dùng xẻng chặt đứt mọi đường dây điện thoại trong nhà tù không cho chúng liên lạc với bên ngoài xin chi viện. Đồng thời đồng chí Trần Văn Lực (Năm Lực), có nhiệm vụ chạy nhanh đến cổng, mở cửa trại giam. Đồng chí Năm Lực lấy hết sức mở được cánh cổng bên trái thì đoàn người từ các trại chạy ào ra cổng đông như nước vỡ bờ. Do địch thiết kế, cổng muốn mở ra thì phải kéo cánh vào trong, nhưng khi mọi người chạy ra thì lại lấy hết sức đẩy cánh cổng ra ngoài, nên cánh cổng thứ hai không sao mở được. Mọi người phải công kênh nhau trèo qua cổng, qua hàng rào kẽm gai và gạch đá. Số người tràn ra cổng như triều dâng, thác đổ, nên cánh cổng bên phải bằng sắt chắc là

vậy, chỉ vài phút sau đã phải đổ dạt xuống một bên. Cả một không gian sôi sục trong tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng bước chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Đoàn người chạy qua Quốc lộ 1, tiến về sân vận động, Dưỡng trí viện, vượt rạch Đồng Tràm tỏa về các hướng.

Trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn địch trong nhà tù bị tấn công bất ngờ, vô cùng hoảng hốt, lo bảo tồn tính mạng nên chưa có hành động nào chống trả.

Theo chủ trương của Đảng uỷ nhà tù, ta không giết một tên lính nào của địch nhằm hạn chế sự trả thù của chúng đối với người còn ở lại. Phải hơn 15 phút sau, bọn địch ở nhà tù mới hoàn hồn vội vã nổ súng truy đuổi.

Địch ở hai lô cốt số 1 và số 7 đã dùng trung liên bắn xối xả ra hướng công trại và ngoài sân banh, hướng các chính trị phạm đang chạy. Dưới làn đạn dày đặc của kẻ thù, số anh em ra sau trúng đạn bị thương và hy sinh gần 30 người, nằm rải rác trước công trại, bên sân banh và ven bờ suối. Đồng chí Phan Văn Rô vừa là người chỉ huy tài tình vừa là một chiến sĩ xung kích dũng cảm, đồng chí đã chiến đấu đến hơi thở sau cùng. Trước lúc hy sinh, đồng chí đã cố sức gượng dậy nói với đồng đội của mình: “Nhờ các đồng chí nhấn lại với Đảng, với nhân dân, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ”. Nhà thơ, nhà báo, người đảng viên Cộng sản trung kiên Dương Tử Giang cũng bị thương nặng, đồng chí cố lết được đến bên bờ suối thì hy sinh, trên tay vẫn còn ôm chặt cây đàn ghi ta - người bạn và là vũ khí chiến đấu của đồng chí trong suốt những năm tháng bị giam cầm trong ngục tù đế quốc.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp của chính trị phạm diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, số tù nhân còn lại bị giam vào trại và bị canh giữ nghiêm ngặt.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 2 - 12 - 1956 đã giải thoát được 462 cán bộ, đảng viên về với cách mạng, thu được hơn 40 khẩu súng các loại là nguồn nhân lực và vật lực quý báu bổ sung cho phong trào Đồng khởi sau này.

Di tích Nhà lao Tân Hiệp đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 2754/QĐ - BT, ngày 15 - 10 - 1994.

Lương Thuý Nga

NHÀ XANH

Từ Quảng trường tỉnh, theo Quốc lộ 15 khoảng 1km đến ngã ba Máy cưa (tên người dân gọi con đường dẫn vào Nhà máy Gỗ Tân Mai), rẽ vào khoảng 500m ta đến được di tích Nhà Xanh. Trước đây di tích nằm trong phạm vi của Nhà máy Gỗ Tân Mai (nay là Trường Công nhân kỹ thuật Đồng Nai, thuộc phường Tân Mai, thành phố Biên Hoà).

Nhà Xanh là một biệt thự Pháp xây dựng làm văn phòng của Công ty Kỹ nghệ và Lâm nghiệp Biên Hoà (gọi tắt là BIF: Biên Hoa Industrielle et Forestiere). Đây là một cơ sở công nghiệp đầu tiên ở tỉnh Biên Hoà. Trên cơ sở trại cưa của Blondeđ (Blông-den), năm 1907, Nhà máy BIF được thành lập. Biệt thự Nhà Xanh cũng được xây dựng trong thời gian này và được dùng làm văn

phòng nhà máy trong khoảng từ năm 1912 đến 1945. Đây là một kiến trúc kiểu Pháp có hai tầng. Tầng trệt chia làm 3 phòng, từ cửa vào có hai phòng bên trái, giữa là phòng ăn và phòng khách. Bên phải có cầu thang gỗ dẫn lên lầu. Phía trên được bố trí ba phòng như tầng trệt. Toàn bộ khung kiến trúc được xây dựng bằng vật liệu kiên cố. Mái lợp ngói móc vảy cá. Màu sơn tường toàn màu xanh nên người dân địa phương đặt tên là Nhà Xanh.

Trong giai đoạn 1945 - 1954, Nhà Xanh được quân Pháp sử dụng làm sở chỉ huy tiểu khu Biên Hoà. Năm 1958, Trần Lệ Xuân - vợ của cố vấn chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Nhu mua lại toàn bộ nhà máy của tư bản Pháp lập nên “công quản Nhà máy Cưa Tân Mai”. Chính quyền Diệm thời bấy giờ sử dụng biệt thự Nhà Xanh làm cư xá cho đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG : Mission Army American Group) tại Biên Hoà.

Chính quyền Sài Gòn chọn Nhà Xanh làm trụ sở cho phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ tại Biên Hoà vì chúng cho rằng đây là địa điểm được bảo vệ cẩn thận.

Khu vực Nhà Xanh lục bấy giờ rộng hơn 1 ha, được rào chắn bảo vệ bởi nhiều lớp dây kẽm gai, nằm trong thế bảo vệ nghiêm ngặt, được địch đánh giá là địa điểm an toàn lý tưởng. Phía đông, cách 5 km là trại lính Trần Quốc Toàn với quân số từ tiểu đoàn trở lên; phía bắc và tây bắc, cách 1 km là Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 (sau trở thành Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3) và sân bay quân sự Biên Hoà, phía tây cách hơn 1 km là Ty cảnh sát, tòa Hành chánh tỉnh, bót cầu Rạch Cát... phía nam là xóm Gò Me và sông Đồng Nai. Khu Nhà Xanh có hai cổng sắt lớn, lính bảo an thay nhau canh gác ngày đêm. Bên phải cổng, địch bố trí kho súng. Kế cận những lớp hàng rào bảo vệ phía tây là trại gia binh của đơn vị lính bảo vệ.

Tháng 7 - 1956, Mỹ - Diệm khủng bố phong trào cách mạng miền Nam rất ác liệt. Đặc biệt, tháng 5 - 1959, Diệm ban hành luật 10/59, đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, khủng bố trắng phong trào cách mạng. Cả miền Nam rên xiết dưới ách kềm kẹp của Mỹ - Diệm. Đế quốc Mỹ đã lộ rõ bản chất xâm lược ở miền Nam, chúng tăng cường viện trợ kinh tế, quân sự và đưa cố vấn quân sự đến làm nhiệm vụ huấn luyện quân ngũ.

Trước tình hình đó, Liên Tỉnh uỷ miền Đông quyết định tổ chức một trận tập kích vào bọn cố vấn Mỹ - kẻ đang trực tiếp điều hành cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam.

Qua gợi ý của Thị uỷ Biên Hoà, mục tiêu được chọn để tấn công địch là Nhà Xanh, cư xá đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) tại Biên Hoà.

Công tác điều nghiên mục tiêu, chuẩn bị mọi mặt cho trận đánh được tiến hành chu đáo. Thực hiện trận đánh là phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hoa, Huệ, Phú, Bé, Sắc, Hưng do đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) - Đại đội phó Đại đội C250 chỉ huy. Địa điểm ém quân tại Gò Me, cách khu cư xá hơn 200 mét. Ngày tiến công được chọn là 7 - 7 - 1959 - ngày chính quyền Diệm tổ chức lễ kỷ niệm 5 năm chấp chính.

19 giờ ngày 7 - 7, phân đội đặc công hóa trang lính đi tuần từ Gò Me tiến về khu cư xá. Sau khi diệt tên gác cổng, phân đội chia làm ba mũi (mỗi mũi 2 đồng chí). Mũi thứ nhất ém quân sau cánh cửa sổ tầng trệt chĩa súng bắn vào. Mũi thứ hai núp sau cửa sổ chân cầu thang dùng súng máy tấn công. Mũi thứ ba

gồm đồng chí Huê và Sắc dùng mìn điện đưa vào bên trong phòng giữa lúc địch đang xem phim. Sáu cố vấn Mỹ đang say sưa theo dõi bộ phim *Cái áo rách* do diễn viên Kanne Grain đóng. Cuốn phim thứ nhất vừa hết, đèn bật sáng, đồng chí Huê và Sắc chưa kịp đặt mìn thì tên bồi bếp xuất hiện. Đồng chí Hoa cho lệnh nổ súng quyết liệt vào bọn cố vấn. Đồng chí Huê chấp nhận hy sinh, ôm quả mìn lao vào trong, hô to “châm điện” để đồng chí Sắc kích điện cho nổ. Trong lúc đó, đội biệt động thị xã Biên Hoà kịp thời phối hợp không chế kho súng và trại gia binh.

Năm đồng chí trong phân đội, sau trận đánh chớp nhoáng chưa tới 15 phút, đã rút qua khu vực sân banh về căn cứ an toàn. Kết quả trận đánh táo bạo này, lực lượng vũ trang cách mạng diệt hai cố vấn Mỹ là thiếu tá Bael Buis và trung sĩ Chester Ovmand tại chỗ, bắn bị thương đại úy Howard B. Boston.

Trận đánh Nhà Xanh đã gây tiếng vang trong và ngoài nước, báo chí Sài Gòn, báo chí phương Tây đưa tin hàng tháng trời. Chính quyền Mỹ - Diệm tung lực lượng cảnh sát, mật vụ truy tìm nhưng vẫn không điều tra được gì Cố vấn Mỹ Buis và Ovmand là hai người lính Mỹ “đầu tiên chết trong kỷ nguyên Việt Nam”⁹.

Di tích Nhà Xanh là nơi ghi dấu ấn đậm nét sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam, đồng thời, đây còn là di tích thể hiện tinh thần, ý chí cách mạng táo bạo, quả cảm của quân dân Biên Hoà - Đồng Nai trong công cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược. Người chiến sĩ Nguyễn Văn Huê hy sinh anh dũng trong trận đánh đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Di tích Nhà Xanh đã được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 235/VH - QĐ, ngày 12 - 12 - 1986.

Thạc sĩ Trần Quang Toại - Phan Đình Dũng

CỤM DI TÍCH CHIẾN THẮNG XUÂN LỘC

Cụm di tích Chiến thắng Xuân Lộc nằm trên địa bàn thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Biên Hoà 50 km về hướng đông bắc, cách thị xã Bà Rịa (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) 50 km về hướng nam.

Ngày 24 - 4 - 1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định 131-BNV/HC/NĐ thành lập tỉnh Long Khánh gồm quận Xuân Lộc có 1 tổng Bình Lâm Thượng và quận Định Quán gồm 2 tổng Bình Tuy và Tà Lài.

Đối với cách mạng, sau tháng 8 - 1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, địa bàn Long Khánh thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Biên Hoà. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) Long Khánh thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh (1954- 1966); thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Bà Rịa-Long Khánh (1966-1974 và 1973-1975); thuộc huyện Xuân Lộc, Phân khu Bà Rịa (1971-1973).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Long Khánh là địa bàn thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Năm 1991, huyện Long Khánh được thành lập.

⁹ Từ dùng của nhà báo Staley Karnod đăng trên tạp chí *Tribune Internationale Hevald* ngày 11 - 7 - 1983.

Tháng 10 năm 2003, huyện Long Khánh được tách thành thị xã Long Khánh và huyện Cẩm Mỹ.

Long Khánh có vị trí khá quan trọng cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Có đường Quốc lộ 1 đi qua trung tâm huyện, đây là con đường huyết mạch nối liền từ Nam ra Bắc. Có Quốc lộ 20 nối Quốc lộ 1 tại ngã ba Dầu Giây đi lên Tây Nguyên. Có liên tỉnh lộ số 2 từ ngã ba Tân Phong - Long Khánh nối liền với thị xã Bà Rịa đi thành phố Vũng Tàu. Tuyến xe lửa xuyên Việt Bắc - Nam cũng đi qua trung tâm huyện Long Khánh.

Chính vì thế mà trong 2 cuộc kháng chiến, đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, ngụy quyền Sài Gòn đã lập tỉnh Long Khánh và chọn thị xã Long Khánh làm tỉnh lỵ, ra sức mở rộng và xây dựng thị xã Long Khánh thành trung tâm quân sự, nơi đóng quân của nhiều căn cứ quân sự và cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy. Vào cuối cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thị xã Long Khánh trở thành chiến trường vô cùng ác liệt. Địch xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc với lực lượng mạnh nhất của Quân đoàn 3 nhằm bịt kín cửa ngõ vào sát Sài Gòn. Ta tập trung Quân đoàn 4 cùng các lực lượng địa phương mở Chiến dịch Xuân Lộc, quyết phá vỡ tuyến phòng thủ cuối cùng của địch, mở cửa ngõ cho đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, hoàn thành sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc - Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tòa hành chính tỉnh Long Khánh, cơ quan chỉ huy phòng thủ của địch bị Quân giải phóng đánh chiếm sau 12 ngày đêm diễn ra Chiến dịch Xuân Lộc, nay vẫn còn được bảo tồn nguyên vẹn, tại vị trí trung tâm thị xã với diện tích toàn khu là 9.000m² (100m x 90m). Tòa nhà được xây dựng theo lối kiến trúc Pháp gồm 1 trệt, 1 lầu, diện tích mặt bằng tòa nhà là 202,50m² (không kể tiền sảnh). Mặt tiền nhà quay về phía nam, đối diện với sân bay Long Khánh, trang trí đá rửa. Khung nhà cao 8m, đúc bằng bê tông cột thép. Nền cao 0,50m lát gạch bông kích thước mỗi viên là 0,20m x 0,20m. Mái nhà được cấu tạo thành 4 mái, lợp ngói vẩy cá (ngói móc).

Tầng trệt toà nhà được bố trí làm 3 phòng, tính từ trái sang phải là:

- Phòng hành chính: diện tích 66,6m² (11,1m x 6m).
- Phòng phó tỉnh trưởng: diện tích 27m² (6m x 4,5m).
- Phòng trung gian ngân khố: diện tích 27m² (6m x 4,5m).

Nổi tầng trệt với lầu 1 là hệ thống cầu thang bằng bê tông cột thép được bố trí ở phía tây toà nhà. Lầu 1 của toà nhà cũng được bố trí gồm 3 phòng, tính từ trái sang phải là:

- Phòng làm việc của tỉnh trưởng: diện tích 32,4m² (7,2m x 4,5m).
- Phòng hành chính văn phòng: diện tích 45m² (7,5m x 6m).
- Phòng họp: diện tích 63m² (10,5m x 6m).

Tiền sảnh lầu 1 bố trí cột cờ bằng trụ thép tròn đường kính 0,10m, cao 3m.

Tòa hành chính tỉnh Long Khánh được bao bọc vòng tường rào bằng gạch. Cổng ra vào làm bằng sắt có lính gác, xung quanh tường rào là các tua, hầm ngầm có lỗ châu mai phòng thủ.

Ngoài di tích Toà hành chính Long Khánh, tại trung tâm thị xã, ngay trước nhà hát, một bia chiến thắng được xây dựng ngay sau ngày giải phóng. Cũng tại nơi này, chiếc xe tăng T59 đầu tiên của Quân giải phóng tiến vào giải

phóng Xuân Lộc - Long Khánh cũng được trưng bày như một Tượng đài nhằm ghi dấu chiến công hiển hách trong Chiến dịch Xuân Lộc.

Đặc biệt, công viên Tượng đài chiến thắng Long Khánh được khởi công xây dựng nhân kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng Long Khánh (21 - 4 - 2000) và đưa vào sử dụng ngày 15 - 4 - 2001 tại vị trí khu tam giác giao tiếp giữa Quốc lộ 1 và đường Hùng Vương thuộc thị xã Long Khánh, với diện tích 7.712m² là một công trình văn hoá ghi dấu chiến công và tri ân công lao của bao chiến sĩ, đồng bào đã hy sinh xương máu cho quê hương Long Khánh anh hùng, góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng, khắc ghi trong tâm khảm mọi người một bài học lịch sử để soi rọi và luôn sống xứng đáng với truyền thống cách mạng hào hùng của dân tộc mà bao thế hệ ông cha đã dày công vun đắp.

Để cứu nguy cho chế độ tay sai Sài Gòn, ngày 28 - 3 - 1975, Tổng thống Mỹ Giêrôn Pho cử Weyand (Uâyên) - Tham mưu trưởng lục quân, và cựu Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ ở Đông Dương, cầm đầu một phái đoàn quân sự cấp cao của Mỹ cùng tướng ngụy Cao Văn Viên đi thị sát chiến trường và quyết định xây dựng tuyến phòng thủ theo hình vòng cung Phan Rang - Xuân Lộc - Tây Ninh, trong đó lấy Xuân Lộc làm tuyến phòng thủ chính.

Tại Xuân Lộc, ngoài lực lượng tiểu khu và Sư đoàn 18 ngụy, địch đã tập trung một lực lượng khá lớn từ đầu và trong quá trình diễn ra chiến sự, những lực lượng được xem là mạnh nhất của Vùng 3 chiến thuật (Quân đoàn 3) và lực lượng tổng trừ bị của quân đội ngụy, gồm cả bộ binh, quân dù, thủy quân lục chiến, lực lượng biệt động, pháo binh, thiết giáp được các sư đoàn không quân ở Biên Hoà, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ chi viện tới đa... để giữ cho được Xuân Lộc và bảo vệ trực tiếp cho sở chỉ huy Vùng 3 chiến thuật và các cơ quan đầu não ngụy quân ngụy quyền ở Sài Gòn. Đây được xem là cụm phòng ngự mạnh nhất, “cánh cửa thép” để “thử nghiệm khả năng chiến đấu của quân ngụy”.

Về phía cách mạng, quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng trong phiên họp ngày 31 - 3 - 1975 chỉ rõ: “Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu... cần động viên cao độ và nhanh chóng lực lượng của cả nước, giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4 không thể để chậm”.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng” của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở Chiến dịch Xuân Lộc. Tham gia Đảng uỷ và Bộ Chỉ huy Chiến dịch Xuân Lộc gồm có các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tư lệnh và Chính uỷ Quân khu 7.

Lực lượng tham gia Chiến dịch Xuân Lộc gồm có Quân đoàn 4 với 3 sư đoàn 341, 6, 7 và Trung đoàn độc lập 95 cùng lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Bà Rịa-Long Khánh và sự phối hợp của phong trào chiến tranh nhân dân trên các chiến trường Biên Hoà, Tân Phú và lân cận. Đoàn pháo binh Biên Hoà đặt pháo tại Hiếu Liêm đã không chế sân bay Biên Hoà và Tổng kho Long Bình, góp phần to lớn vào Chiến thắng Xuân Lộc.

Ngày 3 - 4 - 1975, tại Sở chỉ huy ở đông cầu La Ngà, Đảng uỷ và Bộ chỉ huy Chiến dịch đã bàn bạc đưa ra 2 phương án tiến công Xuân Lộc và quyết định chọn phương án 1 là:

Tập trung 2 sư đoàn (thiếu) tiêu diệt bộ phận Sư đoàn 18 ngụy, giải phóng thị xã Long Khánh và chi khu Xuân Lộc, đoạn từ ngã ba Dầu Giây đến núi Chứa

Chan; 1 sư đoàn (thiếu) bao vây chia cắt địch ở Gia Kiệm, Túc Trưng tạo điều kiện tiêu diệt quân ứng cứu của địch từ thị xã Long Khánh lên Gia Kiệm đến Dầu Giây, Quốc lộ 20. Đánh diệt viện từ Biên Hoà, Trảng Bom lên, không cho địch chi viện bằng bộ binh, pháo binh, tạo điều kiện giải phóng thị xã Long Khánh.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu uỷ và Tỉnh uỷ, Thị uỷ Long Khánh đã hạ quyết tâm: dùng ba mũi chính trị, binh vận kết hợp với vũ trang và cơ sở mật bên trong để bức hàng, bức rút các đồn, bót địch ở các xã vùng ven, tạo bàn đạp cho Quân đoàn 4 tiến công tiêu diệt địch. Đến cuối tháng 3 - 1975, vùng ven của thị xã Long Khánh đã lần lượt được giải phóng, nhất là các ấp Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc, trên hướng bắc thị xã đã nối thông với vùng giải phóng Định Quán tạo ra một bàn đạp lý tưởng cho quân chủ lực triển khai tiến công vào thị xã. Mặt khác, nhân dân thị xã Long Khánh đã tích cực chuẩn bị lương thực, thực phẩm cung cấp cho Chiến dịch: 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4.000 kg bột ngọt, hàng chục triệu đồng và nhiều loại hàng hoá khác. Lực lượng biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã đưa lực lượng trinh sát chủ lực vào điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ mặt trận đã được Thị uỷ Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải khắp nơi làm: cho tinh thần binh lính nguy rệu rã.

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9 - 4 - 1975, Chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Các lực lượng Quân Giải phóng đồng loạt tiến công thị xã Long Khánh và đạt được nhiều thắng lợi.

Nhằm giành lại những vị trí đã mất, địch ra sức phản kích. Bảy ngày sau khi Chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu, lực lượng địch ở Long Khánh đã được tăng viện, chiếm 50% bộ binh, 60% pháo binh, hầu hết xe tăng của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị tương đương 1 sư đoàn. Địch huy động đến mức cao nhất không quân ở Biên Hoà, Tân Sơn Nhất và Cần Thơ chi viện cho Xuân Lộc để cố thủ. Cùng đường, địch đã ném cả bom CBU (loại có sức huỷ diệt lớn) gây nhiều khó khăn cho các mũi tiến công của ta.

Trước sự phản kích điên cuồng của địch, trước sự phát triển phức tạp của tình hình tại Xuân Lộc, nhằm tránh bớt tổn thất về sinh mạng và tài sản của nhân dân sở tại và được sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Chiến dịch, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 quyết định thay đổi cách đánh. Lập tức chuyển sang lập thế trận mới, chuyển hướng tiến công từ đánh vỗ mặt sang tập trung lực lượng đánh vào sau lưng địch, đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đứt liên tỉnh lộ số 2 đi Bà Rịa, dùng pháo tầm xa bắn phá và khống chế liên tục ngày đêm sân bay Biên Hoà, không cho máy bay chiến đấu của địch cất cánh. Các Trung đoàn 165 của Sư đoàn 7, Trung đoàn 266 của Sư đoàn 341 giữ vững những bàn đạp đã chiếm được, thực hiện nghi binh..., Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B của Sư đoàn 325 (thuộc Quân đoàn 2 mới được tăng cường) đánh chiếm ngã ba Dầu Giây và Núi Thị, làm chủ đoạn Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20, thực hiện chốt chặn và diệt địch chi viện từ Biên Hoà, Trảng Bom lên. Trung đoàn 209 của Sư đoàn 7 chặn đánh Lữ đoàn dù 1 từ hướng đông bắc.

Sau 12 ngày đêm tiến công của Quân Giải phóng, ngày 21 - 4 - 1975, thị xã Long Khánh và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc sụp đổ.

Ngay trong đêm 21 - 4, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cũng trong thời điểm này Tổng thống Mỹ cũng công khai thừa nhận: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ”.

Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Quân đoàn 4 cùng các lực lượng vũ trang Quân khu 7, đặc biệt là lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa-Long Khánh đã diệt và đánh thiệt hại nặng 3 chiến đoàn bộ binh, 2 chi đoàn xe tăng, xe bọc thép, một số đơn vị pháo binh, biệt động, quân dù... tiêu diệt hơn 2.056 tên, bắt 2.785 tên, thu và phá hủy 56 ô tô, 42 xe tăng, xe bọc thép, 1.499 súng các loại (trong đó có 14 khẩu pháo 105 đến 155mm) và nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác của địch; mở toang cánh cửa thép phía đông, tạo ra một thế trận mới rất thuận lợi để đại quân ta tiến về giải phóng Sài Gòn - Gia Định trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cụm di tích Chiến thắng Xuân Lộc đã được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 1288/VH - QĐ, ngày 16 - 11 - 1988.

Hai mươi tám năm sau ngày Chiến thắng Xuân Lộc, huyện Long Khánh (nay là thị xã Long Khánh) đã nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước phát triển kinh tế, văn hoá xã hội theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá. Song, ý nghĩa và bài học lịch sử của Chiến dịch Xuân Lộc vẫn còn nguyên vẹn và là nền tảng tinh thần vững chắc cho mỗi con người vùng đất Long Khánh nói riêng và miền Đông Nam bộ nói chung. Những chứng tích ghi dấu sự kiện lịch sử hào hùng ấy vẫn hiện hữu và hiên ngang giữa trời xanh như tạc vào lòng mỗi du khách khi đến với đất và người Long Khánh.

Thạc sĩ Trần Quang Toại - Nguyễn Hồng Ân

CĂN CỨ KHU ỦY MIỀN ĐÔNG NAM BỘ (1962 - 1967)

Di tích kháng chiến chống Mỹ “Căn cứ Khu uỷ miền Đông Nam bộ (1962- 1967)” thuộc địa phận phân trường 6, Lâm trường Hiếu Liêm, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu. Tại đây, Khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu đã đứng chân trong suốt thời gian dài lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng của Khu; nơi xuất phát các chủ trương xây dựng phong trào, mệnh lệnh tác chiến; nơi đứng chân và tổ chức chiến đấu bảo vệ các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy.

Di tích nằm giữa đỉnh đồi đất sỏi bằng phẳng, độ dốc thoải thoải, diện tích 28 ha, độ cao 20m so với bề mặt suối Linh, được bao phủ bởi rừng cây dày đặc, chằng chịt dây rừng. Di tích được cấu thành bởi các bộ phận chính:

- Hệ thống giao thông hào có tổng chiều dài 569m, sâu từ 50cm - 60cm, ngang 60cm, được phân làm ba tuyến: tuyến phòng thủ vòng ngoài, tuyến phòng thủ vòng trong và tuyến nội bộ phục vụ cho việc canh gác, chiến đấu. Ở nhiều đoạn, giao thông hào được nối thông vào cửa hầm địa đạo.

- Hệ thống địa đạo liên hoàn có chiều dài trên 260m, được phân bố chủ yếu ở hai hướng đông bắc và tây nam. Lòng địa đạo có chiều cao từ 1m - 1,8m, rộng 60cm - 70cm, đỉnh hình vòng cung, có lỗ thông hơi trở lên mặt đất để lấy không khí vào. Đường đi trong địa đạo tương đối bằng phẳng, có thể di chuyển bình thường hoặc khom người, có đoạn phải chui, thiết kế có bậc lên xuống tạo thành hai tầng thuận lợi cho việc thoát hiểm. Nhiều đoạn địa đạo gấp khúc, quanh co, có các ngã ba nối thông các đoạn địa đạo với nhau hoặc dẫn lên các miệng địa đạo tại các hầm bên trên. Miệng địa đạo có kích thước vừa một người chui, đường xuống dốc thoải, gấp khúc hoặc uốn lượn. Hệ thống địa đạo còn thiết kế những đoạn dẫn ra các miệng thoát hiểm để phòng khi bị địch phát hiện và tràn vào căn cứ. Đó là các đoạn dẫn ra suối Linh ở hướng đông, hướng Mã Đà, hướng lộ Trần Lệ Xuân.

- Hệ thống miệng địa đạo độc lập có dạng như miệng giếng hình tròn (đường kính 1,2m) và hình chữ nhật (1,2m x 1m), độ sâu từ 3,5m - 4m. Đây là vết tích của cách phân đoạn đào địa đạo. Trên mặt bằng di tích hiện có tất cả 16 miệng.

- Hệ thống hầm trú ẩn, làm việc của lãnh đạo Khu uỷ và các cơ quan trực thuộc gồm: Văn phòng, cơ yếu, phục vụ, vệ binh được phân bố đều khắp trên mặt bằng di tích, hầu hết có dạng hình chữ nhật và ở góc hầm có miệng nối thông vào lòng địa đạo.

Ngoài ra, trong khu di tích còn hiện hữu dấu vết của ba bếp Hoàng Cầm và giếng nước phục vụ cho sinh hoạt, có 6 miệng địa đạo nằm ở chính giữa miệng hố bom về hướng tây nam di tích tạo thành một cụm. Đây là dấu vết của các lực lượng đã về đứng chân sau khi căn cứ Khu uỷ dời đi năm 1966.

Theo các nhân chứng lịch sử, sau khi về đứng chân tại đây, Khu uỷ đã có chủ trương xây dựng nơi này thành căn cứ địa quân sự vững chắc, hoàn chỉnh nhằm đảm bảo an toàn cho cơ quan đầu não Khu uỷ để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng trên toàn miền Đông Nam bộ. Trước mắt chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy đang phát triển đến đỉnh cao, ngày càng ác liệt mà ý đồ của chúng là phá vỡ căn cứ ở Khu A (Chiến khu Đ), nơi được Mỹ xem là trọng điểm cần phải bình định.

Từ đầu năm 1963, Khu uỷ bắt đầu triển khai xây dựng hệ thống địa đạo, giao thông hào, hầm trú ẩn... Lực lượng vệ binh Khu uỷ được phân công và lực lượng chủ công cùng các bộ phận khác ở Khu uỷ tham gia đào địa đạo, giao thông hào. Ngoài ra, Quân khu tăng cường một tiểu đội công binh về xây dựng hầm trú ẩn, làm việc.

Cách đào địa đạo giống như cách đào giếng hình tròn hoặc hình vuông và tiến hành đào từng đoạn cách nhau khoảng 50m, có sử dụng địa bàn để định hướng. Lực lượng vệ binh được chia thành các tổ 4-5 người thay phiên nhau đào. Sau khi đào sâu xuống từ 3,5m-4m, bắt đầu mở miệng trở ngách vào và đào nối thông với các miệng khác hoặc dẫn về các hầm trú ẩn. Đất đào được chuyển ra ngoài bằng ky mây sử dụng cần vọt đưa đất lên và đổ đều trên mặt đất. Lòng địa đạo được thắp sáng bằng đèn cây lớn dài 3 tấc được đặt ở các ngách phục vụ cho công việc đào. Khi đã hoàn thành được một đoạn địa đạo, ngách trở vào được bịt kín bằng một lớp cây rừng dựng đứng, miệng đào được lấp trở lại như cũ. Đường chính vào căn cứ nằm ở hướng tây được nguy trang cẩn thận. Để vào